

Số: 01/KH-THTY

Thanh Yên, ngày 03 tháng 9 năm 2025

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG
Năm học 2025-2026

I. Căn cứ xây dựng kế hoạch

- Căn cứ Nghị Quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo;
- Căn cứ Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Ban Chấp hành trung ương Đảng về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;
- Căn cứ Nghị quyết số 51/2017/QH14, ngày 21/11/2017 của Quốc hội về điều chỉnh lộ trình thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới theo Nghị quyết số 88/2014/QH13, ngày 28/11/2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;
- Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;
- Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT, ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường tiểu học;
- Căn cứ Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT, ngày 30/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học;
- Căn cứ Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT, ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học;
- Căn cứ Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT, ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 23/2024/IT-BGDĐT, ngày 16/12/2024; Văn bản hợp nhất số 14/VBHN-BGDĐT ngày 31/12/2024;
- Căn cứ Quyết định số 131/QĐ-TTg, ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”;
- Căn cứ Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH, ngày 07/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học;
- Căn cứ Công văn số 4567/BGDĐT-GDPT, ngày 05/8/2025 của Bộ Giáo

dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tổ chức dạy học 02 buổi/ngày đối với giáo dục phổ thông năm học 2025-2026;

- Căn cứ Công văn số 3036/BGDĐT-GDTH, ngày 20/7/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện nội dung giáo dục của địa phương cấp tiểu học; Công văn số 3539/BGDĐT-GDTH, ngày 19/8/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tổ chức dạy học Tin học và tổ chức hoạt động tin học ở cấp tiểu học; Công văn số 681/BGDĐT-GDTH, ngày 04/3/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tổ chức dạy học môn Tiếng Anh tự chọn lớp 1, lớp 2; Công văn số 816/BGDĐT-GDTH, ngày 09/3/2022 về việc tổ chức dạy học môn Tiếng Anh và môn Tin học theo CTGDPT 2018 cấp tiểu học;

- Căn cứ Thông tư số 08/2024/TT-BGDĐT, ngày 15/5/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn lồng ghép nội dung giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học;

- Căn cứ Công văn số 4060/BGDĐT-GDPT, ngày 17/7/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tăng cường công tác chỉ đạo thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông năm học 2025-2026;

- Căn cứ Công văn số 3535/BGDĐT-GDTH, ngày 19/8/2019 về việc Hướng dẫn thực hiện nội dung Hoạt động trải nghiệm cấp tiểu học trong Chương trình GDPT 2018 từ năm học 2020-2021;

- Căn cứ Công văn số 3536/BGDĐT-GDTH, ngày 19/8/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc biên soạn, thẩm định nội dung giáo dục của địa phương cấp tiểu học trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và tổ chức thực hiện từ năm học 2020-2021;

- Căn cứ Công văn số 119/BGDĐT-GDTH, ngày 10/01/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện Học bạ số cấp tiểu học; Công văn số 1458/BGDĐT-GDPT, ngày 02/4/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục và triển khai Học bạ số;

- Căn cứ Công văn số 230/UBND-VHXXH, ngày 22/8/2025 của UBND xã Thanh Yên về việc đảm bảo các điều kiện triển khai, thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026; Quyết định số 177/QĐ-UBND, ngày 18/8/2025 của UBND xã Thanh Yên về ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với Giáo dục mầm non, Giáo dục phổ thông và Giáo dục thường xuyên trên địa bàn xã Thanh Yên.

II. Điều kiện thực hiện chương trình năm học 2025-2026

1. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương

- Năm học 2025-2026 là năm học rất đặc biệt, khi cả nước triển khai thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giáo dục theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp kể từ ngày 01/7/2025.

- Xã Thanh Yên được thành lập trên cơ sở sáp nhập 03 xã: Thanh Yên, Noong Luống, Pa Thơm. Trụ sở xã Thanh Yên đặt tại địa điểm trụ sở cũ của xã Noong Luống. Theo đó, Trường Tiểu học xã Thanh Yên được đổi tên thành Trường Tiểu học Thanh Yên. Xã Thanh Yên là 01 trong 248 xã Biên giới đất liền và thuộc diện được đầu tư trường Liên cấp Tiểu học và THCS theo Thông báo số 81-TB/TW, ngày 18/7/2025 về thông báo Kết luận của Bộ Chính trị về chủ trương đầu tư xây dựng trường học cho các xã biên giới. Trên địa bàn xã hiện tại có tổng 09 trường học, trong đó có 04 trường Mầm non, 02 trường tiểu học, 02 trường THCS và 01 trường liên cấp TH&THCS.

- Địa phương có địa bàn rộng, dân cư phân bố không đồng đều, trình độ dân trí còn chênh lệch giữa các khu vực. Kinh tế chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp; các hoạt động dịch vụ, ngành nghề truyền thống còn nhỏ lẻ, quy mô hạn chế. Đời sống nhân dân từng bước được cải thiện, song tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo vẫn còn ở mức cao.

- Chủ trương đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo từng bước được triển khai hiệu quả tại địa phương, góp phần nâng cao nhận thức và hành động của người dân đối với sự nghiệp giáo dục. Công nghệ thông tin ngày càng phát triển, giúp người dân tiếp cận nhanh với các thông tin về giáo dục, từ đó đồng hành cùng nhà trường trong các hoạt động dạy học và giáo dục.

1.1. Thuận lợi

- Công tác giáo dục của nhà trường luôn có sự quan tâm của của Đảng uỷ - HĐND - UBND xã, các ban ngành đoàn thể, phụ huynh học sinh và nhân dân; cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác giảng dạy đảm bảo đáp ứng các điều kiện thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (Chương trình GDPT 2018).

- Nghị quyết tại Đại hội Đại biểu Đảng bộ xã Thanh Yên lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 xã định rõ chỉ tiêu “Phân đấu xã đạt chuẩn nông thôn mới”, đây là tiền đề, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và thực hiện đổi mới giáo dục.

- Trình độ dân trí ngày càng được nâng cao; các tổ chức xã hội, các đoàn thể và cá nhân đã tích tham gia hỗ trợ giáo dục tạo điều kiện thuận lợi, góp phần tạo dựng môi trường học tập thân thiện, an toàn, hạnh phúc cho học sinh.

1.2. Khó khăn:

Chương trình GDPT 2018 được triển khai đồng bộ ở tất cả các khối lớp cấp tiểu học. Trong giai đoạn tiếp tục thực hiện và nâng cao chất lượng triển khai chương trình, nhà trường cần cụ thể hóa các mục tiêu giáo dục, tăng cường tổ chức hoạt động dạy học phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; giúp các em biết vận dụng kiến thức vào thực tiễn, hình thành kỹ năng sống và phát triển toàn diện. Tuy nhiên, trong bối cảnh kinh tế - xã hội địa phương còn nhiều khó khăn, thu nhập bình quân của người dân còn thấp so; sự quan tâm của một bộ phận phụ huynh đối với việc học của con em còn hạn chế, điều này ảnh hưởng không nhỏ đến việc nâng cao chất lượng giáo dục và triển khai hiệu quả chương trình mới.

Địa bàn dân cư rộng, đời sống người dân còn khó khăn, mặt bằng dân trí không đồng đều. Năm học 2025-2026, nhà trường có tổng 575 học sinh, trong đó: học sinh thuộc diện hộ nghèo: 24/575 chiếm 4,2%; hộ cận nghèo: 02/575, chiếm 0,3%. Học sinh thuộc thôn bản khó khăn 68/575, chiếm 11,8%. Toàn trường có 04 học sinh khuyết tật học hòa nhập, chiếm 0,7%. Tổng số học sinh được hưởng chế độ: 96/575, chiếm 16,7%. Nhiều học sinh có hoàn cảnh đặc biệt: cha mẹ đi làm xa, sống với ông bà hoặc người thân, thiếu sự chăm sóc đầy đủ.

Một số khu vực trên địa bàn xã còn tiềm ẩn nguy cơ về tệ nạn xã hội như buôn bán, vận chuyển chất ma túy, nghiện hút,... ảnh hưởng đến môi trường giáo dục và an ninh trật tự tại địa phương.

2. Đặc điểm tình hình nhà trường năm học 2025-2026

2.1. Đặc điểm học sinh của trường

Năm học 2025-2026, nhà trường có tổng 20 lớp với 574 học sinh (04 khuyết tật học hòa nhập), được tổ chức học 02 buổi/tuần; tỷ lệ học sinh/lớp: 28,8/lớp; tỷ lệ học sinh nữ: 268/575, chiếm 46,7%.

(có Phụ lục 1 kèm theo).

2.2. Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý

Nhà trường có tổng số 43 cán bộ, giáo viên, nhân viên trong đó: cán bộ quản lý 02 (Hiệu trưởng, 01 phó Hiệu trưởng), 35 giáo viên (26 giáo viên văn hóa, 03 GV Tiếng Anh; 01 GV Âm nhạc; 02 GV Thể dục; 02 GV Mỹ thuật; 01 GV Tin học; 01 GV kiêm Tổng phụ trách Đội), 06 nhân viên (03 nhân viên hợp đồng theo Nghị định 111); 01/35 giáo viên có trình độ Thạc sĩ, 34/35 giáo viên có trình độ đại học.

Chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có năng lực quản lý, chuyên môn vững vàng, chăm chỉ, yêu nghề, tinh thần trách nhiệm trong công việc; biết khai thác, ứng dụng, vận dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong đổi mới quản lý và đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tích nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh để nâng cao chất lượng giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới Chương trình GDPT 2018. Giáo viên đủ về số lượng đảm bảo định mức theo quy định 1,65 GV/lớp; cơ cấu đủ theo các môn học.

(có Phụ lục 2 kèm theo).

2.3. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học.

Năm học 2025-2026, Trường tiểu học Thanh Yên có tổng số 20 phòng học gồm 10 phòng học tại Trường trung tâm và 10 phòng học tại điểm trường đảm bảo 01 phòng học/lớp; tỷ lệ học sinh/lớp = 28,8 học sinh/lớp.

Phòng học bộ môn: 05 phòng (01 phòng Ngoại ngữ; 02 phòng Tin học; 01 phòng Âm nhạc, 01 phòng Mỹ thuật).

Phòng hỗ trợ học tập, gồm: Thư viện; thiết bị; phòng đọc, phòng Tư vấn học đường và Hỗ trợ giáo dục học sinh Khuyết tật học hòa nhập, phòng Truyền thống và hoạt động Đội.

Khối phụ trợ: 02 phòng Y tế, 01 nhà kho; khu để xe GV - HS, khu vệ sinh riêng biệt CBGV - HS. Trường có sân chơi, sân tập cho học sinh tham gia các hoạt động vui chơi, thể dục, thể thao.

Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống điện, hệ thống phòng cháy chữa cháy, hệ thống thông tin đảm bảo đáp ứng nhu cầu phục vụ cho hoạt động của nhà trường và đạt tiêu chuẩn theo quy định hiện hành.

Các phòng học bộ môn được trang bị đầy đủ bàn, ghế, tủ, giá, kệ, hệ thống điện, nước, hệ thống quạt, các thiết bị hỗ trợ khác và thiết bị dạy học, học liệu theo tính chất đặc thù của từng bộ môn (25 máy chiếu được lắp cố định tại các phòng học, máy chiếu vật thể 06 cái, 04 Tivi bảng thông minh, tăng âm loa đài 03 bộ, loa kéo 02 bộ).

* Thực trạng cơ sở vật chất, thiết bị dạy - học: Hiện tại nhà trường cơ bản đã có đủ các phòng học và phòng chức năng; tuy nhiên, một số hạng mục đã xuống cấp như: 03 phòng học tại điểm trường Việt Yên (Thông Hoàng Yên); các khối phòng học tạm: môn Mỹ thuật, 01 phòng Tin học.

* Khó khăn trong triển khai bán trú: Nếu từ năm học 2025-2026, toàn bộ học sinh các xã biên giới được hưởng chế độ ăn trưa miễn phí theo chính sách Trung ương, thì nhà trường hiện chưa có khu nghỉ trưa cho học sinh; nhà ăn cho học sinh nhưng diện tích hẹp không đáp ứng được số lượng học sinh nên một số lớp phải cho học sinh ăn tại lớp học.

3. Định hướng xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường

Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018 cấp tiểu học đến CBGV, NV, phụ huynh và học sinh nhằm nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận và phối hợp trong quá trình giáo dục; tham mưu hiệu quả với chính quyền địa phương triển khai rộng rãi đến toàn thể nhân dân. 100% các lớp tổ chức dạy học 02 buổi/ngày (09 buổi/ tuần); mỗi ngày bố trí không quá 07 tiết học; mỗi tiết học từ 35 đến 40 phút.

3.1. Tổ chức dạy học các môn học theo quy định

- Căn cứ tình hình thực tế, nhà trường xây dựng kế hoạch thực hiện nội dung giáo dục địa phương tích hợp, lồng ghép trong kế hoạch giáo dục nhà trường linh hoạt, phù hợp đảm bảo mục tiêu và chất lượng giáo dục theo quy định tại Công văn số 3036/BGDĐT-GDTH, ngày 20/7/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Số lượng sách quy định tối thiểu đối với mỗi học sinh khối lớp (1, 2, 3, 4, 5), cụ thể: Sách giáo khoa lớp 1 thực hiện như năm học 2020-2021 và điều chỉnh theo Quyết định số 877/QĐ-UBND, ngày 10/5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên, lớp 2 sử dụng sách giáo khoa được phê duyệt tại Quyết định số 534/QĐ-UBND, ngày 13/4/2021 và điều chỉnh theo Quyết định số 877/QĐ-UBND, ngày 10/5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên, lớp 3 sử dụng sách giáo khoa được phê duyệt tại Quyết định số 725/QĐ-UBND, ngày 28/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên, lớp 4 sử dụng sách giáo khoa được phê duyệt tại Quyết định số 699/QĐ-UBND, ngày 24/4/2023 của Ủy ban

nhân dân tỉnh Điện Biên, lớp 5 sử dụng sách giáo khoa được phê duyệt tại Quyết định số 877/QĐ-UBND, ngày 10/5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên.

(có Phụ lục 3 kèm theo).

- Tổ chức dạy học ngoại ngữ 1, Tin học theo chương trình GDPT 2018.

+ Tổ chức dạy học ngoại ngữ 1 theo quy định tại Kế hoạch số 1687/KH-SGDĐT, ngày 18/6/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên. Tiếp tục tăng cường tổ chức cho giáo viên, học sinh, tham gia các hoạt động thực hành tiếng Anh qua các hoạt động giao tiếp, đọc truyện, trải nghiệm, các sân chơi, giao lưu tiếng Anh. Đối với lớp 1, 2: Tiếp tục triển khai Chương trình tiếng Anh tự chọn (thời lượng 70 tiết/35 tuần học) bảo đảm các yêu cầu được quy định trong Chương trình GDPT (Chương trình làm quen với tiếng Anh lớp 1, 2 ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26/12/2018 của Bộ GDĐT, Công văn số 681/BGDĐT-GDTH, ngày 04/3/2020 về hướng dẫn tổ chức dạy môn tiếng Anh tự chọn lớp 1, 2 theo Chương trình GDPT 2018), đảm bảo tính liên thông với môn ngoại ngữ thực hiện bắt buộc từ lớp 3. Đối với lớp 3, 4, 5 học Tiếng Anh theo Chương trình GDPT 2018 (thời lượng 140 tiết/35 tuần học).

+ Tổ chức dạy học môn Tin học bắt buộc cho học sinh lớp 3, 4, 5 theo yêu cầu được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học (Công văn số 816/BGDĐT-GDTH, ngày 09/3/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức dạy học môn tin học Chương trình GDPT 2018 cấp tiểu học); tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục tin học, giáo dục kỹ năng công dân số cho học sinh theo hướng dẫn tại công văn số 3539/BGDĐT-GDTH, ngày 19/8/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngay từ lớp 1, lớp 2 nhằm hình thành các kỹ năng cần thiết cho công dân số, làm cơ sở để học sinh tiếp cận, học tập thuận lợi môn Tin học ở các lớp 3, 4, 5.

3.2. Chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ AI trong quản lý, giảng dạy

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý và dạy học, thực hiện Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”: 100% cán bộ quản lý, giáo viên sử dụng hệ thống “Trường học kết nối”, khai thác sử dụng “Hành trang số” “OLM”, phát huy hiệu quả nguồn tài nguyên, kinh nghiệm của giáo viên toàn cấp học trong quá trình bồi dưỡng tập trung và tự bồi dưỡng trên hệ thống LMS.

- Quyết định và cho phép cán bộ quản lý, tổng phụ trách Đội TNTP Hồ Chí Minh, giáo viên, nhân viên Thư viện, nhân viên Y tế được phép sử dụng hồ sơ (bao gồm: hồ sơ chuyên môn, hồ sơ Thư viện, hồ sơ theo dõi công tác Y tế trường học, kế hoạch hoạt động công tác đội TNTP Hồ Chí Minh, kế hoạch dạy học các môn học, kế hoạch tuần,...) điện tử để quản lý trên môi trường số.

- Khuyến khích giáo viên ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để thiết kế bài giảng, kiểm tra đánh giá, hỗ trợ học tập cá nhân hóa. Hướng dẫn học sinh khai thác sử dụng công nghệ số an toàn, hiệu quả, có đạo đức.

3.3. Tăng cường triển khai giáo dục STEM/STEAM

- Tiếp tục triển khai giáo dục STEM ở cấp tiểu học theo hướng dẫn tại Công văn số 909/BGDĐT-GDTH, ngày 08/3/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Công văn số 652/SGDĐT-GDMT, ngày 22/3/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện giáo dục STEM cấp Tiểu học.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện giáo dục STEM, lựa chọn chủ đề xây dựng kế hoạch thực hiện 02 chủ đề/học kỳ/khối lớp. Thực hiện hiệu quả các hoạt động giáo dục STEM nhằm hỗ trợ, tăng cường giáo dục Khoa học, Công nghệ, Kỹ thuật, Toán, Tin học và Nghệ thuật; tạo hứng thú, khơi gợi niềm say mê học tập, giúp học sinh khám phá tiềm năng của bản thân, khám phá khoa học, công nghệ, phát huy tính tích cực sáng tạo và vận dụng vào giải quyết vấn đề trong bối cảnh cụ thể của thực tiễn cuộc sống.

3.4. Giáo dục kỹ năng sống và các nội dung tích hợp khác

- Tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, tư vấn tâm lý học đường; phòng, chống bạo lực học đường; kỹ năng tự vệ, hợp tác, làm việc nhóm, thích ứng với thay đổi.

- Giáo dục lý tưởng sống, đạo đức cách mạng, ý thức công dân, lòng yêu nước thông qua các môn học như Đạo đức, Tiếng Việt, Hoạt động trải nghiệm. Lòng ghép giáo dục an toàn giao thông, bảo vệ môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu, biển đảo Việt Nam,... trong các môn học và hoạt động trải nghiệm.

3.5. Giáo dục hòa nhập và tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số

- Bảo đảm các điều kiện để trẻ em khuyết tật được tiếp cận với giáo dục, tăng cường giáo dục hòa nhập; tăng cường tuyên truyền trong đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên về vấn đề giáo dục hòa nhập, trong đó học sinh học hòa nhập được học tập và đánh giá theo kế hoạch giáo dục cá nhân; tùy theo dạng tật, mức độ khuyết tật mà học sinh được miễn một phần, một số nội dung, một số môn học với mục tiêu giúp học sinh khuyết tật được tương tác cùng bạn bè, các em hòa nhập và yêu cuộc sống theo Công văn số 2617/SGDĐT-GDMNTH, ngày 29/8/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên về việc thực hiện công tác bảo vệ trẻ em và giáo dục hòa nhập trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trong các cơ sở giáo dục năm học 2025-2026 và các văn bản khác theo quy định hiện hành.

- Tăng cường Tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số theo Thông tư 23/2023/TT-BGDĐT, ngày 08/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc dạy và học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một; Công văn số 1359/SGDĐT-GDMNTH ngày 14/5/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện việc dạy và học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một năm học 2025-2026; Công văn số 100/UBND-VHXXH, ngày 21/7/2025 của Ủy ban nhân dân xã Thanh Yên về việc triển khai tổ chức thực hiện quy định về việc dạy và học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một; Kế hoạch số 22/UBND-VHXXH, ngày 06/8/2025 của Ủy ban nhân dân xã Thanh Yên về tổ chức dạy và học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào

lớp Một, năm học 2025-2026.

+ Tiếp tục triển khai thực hiện giải pháp dạy Tập làm văn theo hướng mở, dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt. Tăng cường nội dung đọc hiểu văn bản, mở rộng vốn từ, xây dựng cây từ vựng tiếng Việt, dạy tiếng Việt cho học sinh dân tộc gắn với giao tiếp. Xây dựng thói quen đọc sách cho học sinh thông qua việc tổ chức hoạt động thư viện xanh, thư viện lưu động, thư viện góc lớp, giao lưu tiếng Việt.

+ Cài đặt ứng dụng phần mềm “Vui đọc cùng em” của Dự án SCI; hướng dẫn học sinh các tính năng trên phần mềm “Vui đọc cùng em” nhằm tăng cường năng lực đọc cho học sinh đồng thời tổ chức các hoạt động để học sinh trau dồi năng lực tiếng Việt.

+ Nội dung giáo dục địa phương lớp 1, 2, 3, 4, 5 tỉnh Điện Biên được dạy học tích hợp trong các môn học và môn hoạt động trải nghiệm tại Công văn số 99/SGDDĐT-GDTH, ngày 19/01/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo. Chủ đề thiên nhiên và con người địa phương trong Tài liệu giáo dục địa phương lớp 4 tỉnh Điện Biên được thực hiện với thời lượng 4 tiết trước khi tổ chức dạy học các nội dung khác của mạch nội dung “Địa phương và các vùng miền của Việt Nam” trong Chương trình GDPT 2018 đối với môn Lịch sử và Địa lý lớp 4.

+ Sách, tài liệu, hoạt động thư viện, thiết bị: xây dựng tủ sách lớp học, xây dựng mô hình “Thư viện thân thiện”, phát triển văn hóa đọc phù hợp điều kiện thực tế. Quan tâm đẩy mạnh việc đọc sách của học sinh tại trường. Triển khai thực hiện thiết bị dạy học tự làm.

3.6. Hình thức tổ chức dạy học linh hoạt

- Tổ chức dạy học tích hợp liên môn, trải nghiệm, Câu Lạc bộ, giáo dục kỹ năng sống, chuyên đề, ngoại khóa gồm:

+ Giáo dục công dân số theo Công văn số 3899/BGDĐT-GDTH, ngày 30/7/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn triển khai thực hiện giáo dục kỹ năng công dân số ở cấp tiểu học.

+ Giáo dục quốc phòng - an ninh theo Thông tư số 08/2024/TT-BGDĐT ngày 15/5/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn lồng ghép nội dung giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học.

+ Giáo dục quyền con người, phòng chống bạo lực học đường, bảo vệ môi trường, biến đổi khí hậu.

+ Giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống theo Quyết định số 4246/QĐ-BGDĐT, ngày 11/12/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về phê duyệt tài liệu hướng dẫn giáo viên tích hợp giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho học sinh tiểu học trong các môn học (Đạo đức, Tiếng Việt, Hoạt động trải nghiệm).

3.7. Môn học tự chọn: Tiếp tục triển khai môn Ngoại ngữ 1 đối với học

sinh lớp 1, 2.

3.8. Hoạt động củng cố - tăng cường

- Tập trung tổ chức các hoạt động củng cố để học sinh hoàn thành nội dung học tập, các hoạt động giáo dục về văn hoá, nghệ thuật, thể chất, kỹ năng sống, giáo dục STEM/STEAM, đáp ứng nhu cầu, sở thích, năng khiếu của học sinh; các hoạt động tìm hiểu tự nhiên, xã hội, văn hoá, lịch sử, truyền thống của địa phương; đảm bảo phân bổ đủ tiết/ngày và tuần theo kế hoạch.

- Tổ chức linh hoạt các hoạt động học tập và giáo dục: tự học có hướng dẫn của giáo viên, học nhóm, học trải nghiệm, sinh hoạt câu lạc bộ,...

3.9. Kiểm tra, đánh giá

Thực hiện đánh giá học sinh tiểu học theo quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT, ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tiếp tục tổ chức tập huấn, hướng dẫn giáo viên về hình thức, phương pháp đánh giá thường xuyên, biên soạn xây dựng ma trận đề kiểm tra định kỳ cho các môn học theo chương trình GDPT 2018; tổ chức thực hiện bài kiểm tra định kỳ đối với môn Tiếng Anh, Tin học và Công nghệ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT và Quyết định số 2904/QĐ-BGDĐT ngày 07/10/2022 của Bộ GDĐT. Đối với môn Tin học và Công nghệ thực hiện dạy học và kiểm tra đánh giá như hai môn học độc lập theo Chương trình GDPT môn Tin học và Chương trình GDPT môn Công nghệ.

3.10. Công tác bồi dưỡng - tập huấn:

100% CBQL, giáo viên được tập huấn Chương trình GDPT 2018, giáo dục STEM, chuyển đổi số, kỹ năng nghề nghiệp và các nội dung tích hợp khác. Hình thức bồi dưỡng đa dạng: trực tuyến, chuyên đề tại chỗ, tự học,...

3.11. Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cụ thể theo tuần/tháng/năm

Căn cứ chương trình, sách giáo khoa, đặc điểm học sinh và điều kiện địa phương xây dựng kế hoạch dạy học linh hoạt, sát thực tiễn; tổ chức tiết học theo chủ đề, trải nghiệm, ngoại khóa, giáo dục địa phương, hoạt động kỹ năng sống, câu lạc bộ,...

III. Mục tiêu giáo dục năm học 2025-2026

1. Mục tiêu chung

- Đảm bảo môi trường giáo dục lành mạnh, thân thiện, an toàn, tạo điều kiện để mỗi học sinh có cơ hội bình đẳng trong học tập và phát triển những năng lực sẵn có của từng cá nhân, giúp học sinh hình thành và phát triển những nhân tố căn bản đặt nền móng cho sự phát triển hài hòa về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực; định hướng chính vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng và những thói quen, nền nếp cần thiết trong học tập và sinh hoạt.

- Phát huy hiệu quả, tiếp tục thực hiện nội dung các cuộc vận động và phong trào thi đua: thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; tăng

cường giáo dục đạo đức, kỹ năng sống cho học sinh. Cùng cố kết quả cuộc vận động chống tiêu cực và khắc phục bệnh thành tích trong giáo dục, thực hiện cuộc vận động “Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo” và xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực.

- Thực hiện Chương trình GDPT 2018; đúng kế hoạch, chương trình dạy học, tiếp tục chỉ đạo việc quản lý, tổ chức dạy học theo yêu cầu cần đạt của môn học và định hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh; điều chỉnh nội dung dạy học phù hợp đặc điểm tâm sinh lý học sinh tiểu học; tích hợp các nội dung giáo dục vào các môn học và hoạt động giáo dục, tổ chức dạy học 02 buổi/ngày; tiếp tục đổi mới đồng bộ phương pháp dạy học theo hướng hiện đại, đẩy mạnh các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực như dạy học theo dự án, bản đồ tư duy,...

- Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, tích cực đổi mới công tác quản lý giáo dục; phát triển đội ngũ, đề cao trách nhiệm của một nhà giáo, khuyến khích sự sáng tạo của giáo viên và cán bộ quản lý. Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin, đặc biệt là ứng dụng trí tuệ nhân tạo IA trong dạy học và quản lý; thực hiện hồ sơ sổ sách, thống kê số liệu, báo cáo. Duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học.

- Cập nhật nội dung môn Lịch sử và Địa lý phù hợp với thực tế địa phương sau sắp xếp đơn vị hành chính theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội. Tổ chức rà soát, điều chỉnh tên gọi địa phương, bản đồ hành chính, các sự kiện lịch sử và thông tin địa lý liên quan nhằm bảo đảm nội dung dạy học chính xác, thiết thực, góp phần giáo dục học sinh hiểu biết và tự hào về quê hương trong bối cảnh mới.

- Tăng cường giáo dục lịch sử địa phương, truyền thống cách mạng của quê hương, nhất là giai đoạn từ sau cách mạng tháng Tám năm 1945, Chiến thắng Điện Biên Phủ, sự kiện thành lập huyện mới sau khi sáp nhập, nhằm bồi dưỡng tình yêu quê hương, lòng tự hào dân tộc cho học sinh.

- Đẩy mạnh công tác giáo dục thể chất, giáo dục thẩm mỹ gắn với các hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa. Tiếp tục đưa giáo dục văn hóa truyền thống vào nhà trường.

2. Chỉ tiêu cụ thể

2.1. Duy trì số lượng học sinh

Duy trì 575/575 học sinh đi học chuyên cần đạt tỉ lệ 100%. Duy trì đến cuối năm học không có học sinh bỏ học giữa chừng.

2.2. Chất lượng giáo dục

a) Về môn học và hoạt động giáo dục (có Phụ lục 4 kèm theo).

b) Những phẩm chất chủ yếu (có Phụ lục 5 kèm theo).

c) Những năng lực cốt lõi (có Phụ lục 6 kèm theo).

d) Kết quả giáo dục cuối năm học

- Kết quả giáo dục cuối năm học khối 1, 2, 3, 4, 5 (có Phụ lục 7 kèm theo).
- Hoàn thành chương trình lớp học: 454/454 học sinh, đạt 100%.
- Hoàn thành chương trình Tiểu học: 120/120 học sinh, đạt 100%.

e) Các hoạt động khác

- 100% các lớp có học sinh tham gia các cuộc thi, hội thi giao lưu do nhà trường, xã, Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức.
- 100% học sinh thực hiện nghiêm túc nền nếp học đường: thể dục giữa giờ, vệ sinh cá nhân và môi trường, hát Quốc ca - Đội ca đầu tuần, sinh hoạt tập thể và mặc đồng phục đúng quy định, đảm bảo sạch sẽ, gọn gàng.
- 100% các lớp được trang trí lớp học theo hướng mở, thân thiện, phù hợp với chủ điểm từng tháng và phong trào thi đua do nhà trường phát động.
- Khuyến khích và tạo điều kiện cho học sinh có năng lực, năng khiếu tham gia các Câu Lạc bộ sở thích, các sân chơi trí tuệ, các cuộc thi sáng tạo trẻ, góp phần phát triển phẩm chất, năng lực cá nhân.
- 100% cán bộ, giáo viên, học sinh tích cực hưởng ứng các hoạt động thiện nguyện, quyên góp ủng hộ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, thiên tai, dịch bệnh theo khả năng và tinh thần tự nguyện.
- Tổ chức hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm sáng tạo theo hướng giáo dục toàn diện, gắn với thực tiễn như: thăm hỏi gia đình chính sách, chăm sóc nghĩa trang liệt sĩ, tham quan các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh địa phương (tối thiểu 2 lần/năm học).
- Lồng ghép hiệu quả các nội dung giáo dục kỹ năng sống, chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ AI, giáo dục đạo đức - lý tưởng cách mạng, ứng phó biến đổi khí hậu, an toàn giao thông, phòng chống bạo lực học đường, tư vấn tâm lý học đường,... thông qua các tiết học chính khóa, hoạt động giáo dục, hoạt động ngoài giờ và sinh hoạt dưới cờ.

g) Khen thưởng cuối năm học (có Phụ lục 8 kèm theo).

IV. Tổ chức các môn học và hoạt động giáo dục trong năm học

1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục

(có Phụ lục 9 kèm theo).

2. Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học

2.1. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học

(có Phụ lục 10.1 kèm theo).

2.2. Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học và trong thời gian bán trú tại trường

(có Phụ lục 10.2 kèm theo).

3. Tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục

** Khung thời gian hoạt động trong ngày*

Thời gian		Hoạt động
Buổi sáng		
7 giờ - 7 giờ 25 phút	20 phút	Sinh hoạt tập thể đầu giờ
7 giờ 30 phút - 7 giờ 05 phút	35 phút	Tiết 1
8 giờ 10 phút - 8 giờ 45 phút	35 phút	Tiết 2
8 giờ 45 phút - 9 giờ 00 phút	15 phút	Ra chơi
9 giờ 05 phút - 9 giờ 40 phút	35 phút	Tiết 3
9 giờ 45 phút - 10 giờ 20 phút	35 phút	Tiết 4
10 giờ 25 phút - 10 giờ 55 phút	30 phút	Tiết 5
Buổi chiều		
14 giờ - 14 giờ 35 phút	35 phút	Tiết 6
14 giờ 40 phút - 15 giờ 15 phút	35 phút	Tiết 7
15 giờ 15 phút - 15 giờ 30 phút	15 phút	Ra chơi
15 giờ 30 phút - 16 giờ 30 phút	60 phút	Hoạt động cuối ngày - Tổ chức các hoạt động củng cố, giúp học sinh hoàn thành nội dung học tập và tham gia các hoạt động giáo dục văn hoá, nghệ thuật, thể chất, kỹ năng sống, STEM/STEAM,...phù hợp với nhu cầu, sở thích và năng khiếu. - Lồng ghép hoạt động tìm hiểu tự nhiên, xã hội, văn hoá, lịch sử, truyền thống địa phương; đảm bảo đủ tiết/ngày và tuần theo kế hoạch. - Tổ chức linh hoạt: tự học có hướng dẫn, học nhóm, trải nghiệm, sinh hoạt câu lạc bộ...

*** Ghi chú:** Thời gian 1 tiết học 35 phút, 05 phút dành cho thời gian chuyển giữa các tiết học.

*** Đối với điểm trường:**

- Kế hoạch giáo dục tại điểm trường lẻ được triển khai thống nhất theo Kế hoạch chung của trường trung tâm.

- Các hoạt động Câu Lạc bộ được tổ chức tại từng điểm trường, đồng thời có thể bố trí luân phiên giữa các điểm trường sao cho phù hợp với điều kiện thực tế. Việc di chuyển của học sinh cần đảm bảo an toàn tuyệt đối do nhiều em

không có người đưa đón.

4. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2025-2026 và kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục

Thực hiện theo Quyết định số 177/QĐ-UBND, ngày 18/8/2025 của UBND xã Thanh Yên về ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với Giáo dục mầm non, Giáo dục phổ thông và Giáo dục thường xuyên trên địa bàn xã Thanh Yên, như sau:

4.1. Ngày tựu trường: Giáo dục mầm non, Giáo dục phổ thông và Giáo dục thường xuyên tựu trường sớm nhất ngày 29/8/2025. Riêng khối lớp 1, lớp 9 tựu trường ngày 22/8/2025.

4.2. Tổ chức khai giảng vào ngày 05/9/2025.

4.3. Giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên có 35 tuần thực học, cụ thể:

- Học kỳ I (có 18 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác); kết thúc học kỳ I trước ngày 18/01/2026.

- Học kỳ II (có 17 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác); hoàn thành chương trình và kết thúc năm học trước ngày 31/5/2026.

4.4. Xét công nhận hoàn thành chương trình tiểu học và xét công nhận tốt nghiệp THCS trước ngày 15/6/2026.

4.5. Hoàn thành tuyển sinh các lớp đầu cấp trước ngày 31/7/2026.

Căn cứ Công văn số 2616/SGDĐT-GDMNTH, ngày 29/8/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2024-2025; Quyết định số 1069/QĐ-SGDĐT, ngày 13/8/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập các Cụm chuyên môn cấp học Tiểu học; đồng thời căn cứ điều kiện thực tế về thời gian trong năm học và Kế hoạch giáo dục của nhà trường, Trường Tiểu học Thanh Yên sẽ cụ thể hóa và tổ chức thực hiện chương trình năm học 2025-2026 phù hợp, hiệu quả.

** Số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần đối với các khối lớp từ 1 đến 5 (có Phụ lục 11 kèm theo).*

** Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục từ khối 1 đến khối 5.*

- Nhà trường xây dựng Kế hoạch dạy học cụ thể cho từng khối lớp từ lớp 1 đến lớp 5 theo từng ngày, từng tuần, từng lớp, đảm bảo thực hiện đầy đủ Chương trình GDPT 2018. Mỗi lớp có thời khóa biểu chi tiết, mỗi khối có Kế hoạch dạy học tuần của từng môn học và hoạt động giáo dục, linh hoạt điều chỉnh phù hợp với thực tiễn triển khai và năng lực tiếp thu của học sinh.

- Đối với các ngày nghỉ lễ theo quy định hoặc nghỉ học do lý do bất khả kháng, nhà trường xây dựng kế hoạch dạy bù cụ thể, thông báo trước ít nhất 01 tuần nếu có thể dự báo hoặc thông báo kịp thời sau thời điểm nghỉ.

- Khi tổ chức các hoạt động tập thể quy mô lớn như khai giảng, hội thi,

hoạt động trải nghiệm - hướng nghiệp, nhà trường chủ động xây dựng phương án điều chỉnh kế hoạch dạy học phù hợp, đảm bảo không ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục.

- Các hoạt động giáo dục được tổ chức theo hướng phát huy phẩm chất, năng lực học sinh, tôn trọng sự khác biệt, đáp ứng nhu cầu và hứng thú học tập của người học, đồng thời phù hợp với điều kiện thực tiễn nhà trường và đặc điểm vùng miền.

- Nhà trường tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong xây dựng, thực hiện và giám sát Kế hoạch dạy học; đẩy mạnh sử dụng học liệu số, phần mềm hỗ trợ giảng dạy và công cụ đánh giá nhằm phát triển năng lực học sinh.

- Khuyến khích giáo viên chủ động, linh hoạt tích hợp các nội dung giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, an toàn giao thông, bảo vệ môi trường, bình đẳng giới, quốc phòng - an ninh, quyền trẻ em, giáo dục STEM, trí tuệ nhân tạo (AI) và chuyển đổi số vào môn học và hoạt động giáo dục một cách phù hợp, hiệu quả.

- Vào chiều thứ Sáu hằng tuần, học sinh được nghỉ học để cân bằng giữa học tập và nghỉ ngơi, vui chơi. Cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện các hoạt động hội họp, sinh hoạt chuyên môn, tập huấn, nghiên cứu bài học, xây dựng học liệu số và các nhiệm vụ khác theo kế hoạch của nhà trường.

V. Giải pháp thực hiện

1. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

- Tiếp tục tham mưu với cấp trên tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu Chương trình giáo dục phổ thông 2018; ưu tiên phòng học Tin học, Ngoại ngữ, Khoa học - Công nghệ; quản lý, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có.

- Kiểm tra, bảo trì thường xuyên và sử dụng hiệu quả thiết bị, phòng học hiện có; tiếp tục khai thác 06 tivi thông minh đã được trang bị tại các lớp học.

- Xây dựng kế hoạch xã hội hóa, huy động nguồn lực hỗ trợ tăng cường thiết bị dạy học, sách, tài liệu cho thư viện, duy trì Thư viện đạt chuẩn mức độ 2.

- Tận dụng tối đa cơ sở vật chất để tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, kết hợp dạy học văn hóa với hoạt động trải nghiệm, giáo dục thể chất, kỹ năng sống, đạo đức, lý tưởng cách mạng, an toàn giao thông, ứng phó biến đổi khí hậu, phòng chống bạo lực học đường và tư vấn tâm lý học đường.

2. Thực hiện công tác bồi dưỡng đội ngũ

- Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên cốt cán có năng lực chuyên môn vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Phân công giáo viên cốt cán, giáo viên có năng lực triển khai Chương trình GDPT 2018 hỗ trợ, kèm cặp giáo viên có năng lực còn hạn chế, nhằm nâng cao chất lượng giờ dạy, bảo đảm đúng định hướng chương trình mới.

- Cử giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý tham gia đầy đủ các khóa đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên, liên tục; học tập nâng cao trình độ chuyên môn, năng

lực số, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong dạy học theo lộ trình tại Nghị định số 71/2020/NĐ-CP.

- Triển khai các hoạt động bồi dưỡng phát triển năng lực nghề nghiệp cho đội ngũ, đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm và yêu cầu triển khai Chương trình GDPT 2018. Khảo sát nhu cầu bồi dưỡng thực tế của giáo viên để xây dựng Kế hoạch bồi dưỡng phù hợp, linh hoạt (tự học, học tập trực tuyến, qua sinh hoạt chuyên môn,...).

- Tăng cường tổ chức giao lưu, học tập, chia sẻ kinh nghiệm giữa các nhà trường trong và ngoài xã, đẩy mạnh sinh hoạt chuyên môn Cụm trường. Đặc biệt chú trọng tổ chức các chuyên đề tích hợp, liên môn, giáo dục kỹ năng sống, đạo đức, lối sống, lý tưởng cách mạng, ứng phó biến đổi khí hậu, an toàn giao thông, phòng chống bạo lực học đường và tư vấn tâm lý học đường.

- Tổ chức các tiết dạy minh họa, chuyên đề chuyên sâu theo nhu cầu thực tế. Sinh hoạt chuyên môn được thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 1315/BGDĐT-GDTH, ngày 16/4/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nội dung sinh hoạt tập trung nghiên cứu sâu Chương trình GDPT 2018, đổi mới nội dung, hình thức, chú trọng dự giờ, nghiên cứu bài học, khai thác công nghệ số, công nghệ AI hỗ trợ dạy học nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng giáo dục.

3. Thực hiện quy chế sinh hoạt chuyên môn

- Xây dựng quy trình triển khai dạy học phù hợp với Chương trình GDPT 2018, đảm bảo tính kế thừa, linh hoạt và hiệu quả.

- Thực hiện nghiêm túc nền nếp sinh hoạt chuyên môn hàng tuần, hàng tháng nhằm đồng hành, hỗ trợ thường xuyên cho giáo viên trong quá trình thực hiện Chương trình GDPT 2018; tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học (NCBH) tại tất cả các tổ chuyên môn.

- Xây dựng nội dung chuyên đề đa dạng, thiết thực, đáp ứng nhu cầu phát triển chuyên môn và nâng cao năng lực nghề nghiệp cho giáo viên.

- Tổ chức các đợt tập huấn chuyên môn, sinh hoạt chuyên môn cấp Cụm trường theo hình thức kết hợp giữa NCBH và chuyên đề; tổ chức hội thảo, tọa đàm nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình giảng dạy.

- Soạn thảo đầy đủ văn bản chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo yêu cầu đổi mới của Chương trình GDPT 2018.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, tích hợp nội dung chuyển đổi số, khai thác hiệu quả thiết bị số trong sinh hoạt chuyên môn như sử dụng bài giảng điện tử, học liệu số, AI hỗ trợ thiết kế bài dạy, phân tích dữ liệu học sinh nhằm nâng cao chất lượng dạy học và phát triển năng lực đội ngũ.

- Tăng cường tổ chức nghiên cứu các nội dung mới, nội dung khó, các vấn đề thực tiễn nảy sinh trong quá trình triển khai Chương trình GDPT 2018, từ đó đề xuất giải pháp phù hợp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

4. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội

- Đẩy mạnh công tác truyền thông giáo dục, tạo sự đồng thuận và lan tỏa trong cộng đồng về các chủ trương đổi mới giáo dục tiểu học; xây dựng kế hoạch truyền thông hiệu quả, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội và truyền thông địa phương để kịp thời cung cấp thông tin chính thống, định hướng dư luận, tạo dựng niềm tin xã hội đối với sự nghiệp giáo dục.

- Chủ động tuyên truyền, tư vấn, đối thoại và chia sẻ với phụ huynh học sinh về nội dung chương trình giáo dục phổ thông mới, các phương pháp dạy học tích cực, đánh giá năng lực học sinh; đồng thời tiếp nhận và xử lý kịp thời những phản hồi để tạo dựng mối quan hệ gắn kết, cùng đồng hành trong giáo dục trẻ.

- Tăng cường tuyên truyền, giáo dục kỹ năng sống, kỹ năng tự bảo vệ, an toàn giao thông, phòng chống tai nạn thương tích, bạo lực học đường, xâm hại trẻ em, ứng phó với biến đổi khí hậu; nâng cao nhận thức và trách nhiệm của gia đình và xã hội trong việc bảo vệ trẻ em, xây dựng môi trường học đường an toàn, thân thiện và lành mạnh.

- Phối hợp triển khai giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho học sinh thông qua các hoạt động trải nghiệm, sinh hoạt đội, lồng ghép trong các môn học và hoạt động giáo dục; tích cực tổ chức các hoạt động ngoại khóa, giao lưu văn hóa, thể thao, văn nghệ, góp phần hình thành nhân cách, bồi dưỡng tình thần yêu nước và ý thức trách nhiệm với cộng đồng.

- Đẩy mạnh tuyên truyền về vai trò của chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo (AI) trong giáo dục; khuyến khích phụ huynh và cộng đồng phối hợp cùng nhà trường tạo điều kiện tiếp cận và sử dụng các công cụ học tập hiện đại, nền tảng số phục vụ đổi mới phương pháp dạy học và quản lý giáo dục.

- Tăng cường phối hợp tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề, hội thảo, tư vấn tâm lý học đường cho học sinh và phụ huynh nhằm kịp thời hỗ trợ, định hướng giải quyết các khó khăn về tâm lý, học tập, mối quan hệ xã hội của học sinh.

- Khuyến khích đội ngũ cán bộ, giáo viên tích cực viết và chia sẻ các tin bài về hoạt động chuyên môn, điển hình tiên tiến, sáng kiến kinh nghiệm, đổi mới sáng tạo trong giảng dạy lên các trang thông tin điện tử, mạng xã hội chính thống nhằm lan tỏa những giá trị tích cực và tạo hiệu ứng truyền cảm hứng trong cộng đồng giáo dục.

5. Tăng cường các hoạt động trải nghiệm, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp

- Đẩy mạnh tổ chức các hoạt động trải nghiệm, giáo dục ngoài giờ lên lớp nhằm hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh. Tăng cường lồng ghép nội dung giáo dục kỹ năng sống, giáo dục địa phương, ứng dụng kiến thức

đã học vào thực tiễn đời sống.

- Tích hợp hiệu quả các nội dung giáo dục: đạo đức, lối sống, lý tưởng cách mạng, quốc phòng - an ninh, pháp luật, quyền và bổn phận trẻ em, bình đẳng giới, phòng chống bạo lực học đường, xâm hại trẻ em, bạo lực gia đình, HIV/AIDS; giáo dục sức khỏe, y tế học đường, vệ sinh cá nhân, dinh dưỡng, phòng chống dịch bệnh.

- Tăng cường giáo dục về bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên, ứng phó biến đổi khí hậu, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, phòng chống tai nạn thương tích và đuối nước, giáo dục an toàn giao thông.

- Chú trọng giáo dục chuyển đổi số, công nghệ số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) ở mức độ phù hợp, giúp học sinh hình thành năng lực công dân số, biết sử dụng công nghệ một cách an toàn, có trách nhiệm.

- Tổ chức các hoạt động giáo dục truyền thống: tham quan di tích lịch sử, viếng nghĩa trang liệt sĩ, chăm sóc gia đình chính sách, tuyên truyền chủ quyền biên giới - biển đảo, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

- Phát động các phong trào: “Uống nước nhớ nguồn”, “Áo lụa tặng bà”, “Thắp sáng ước mơ”, các hoạt động về nguồn, kỷ niệm các ngày lễ lớn nhằm giáo dục lòng yêu nước, tự hào dân tộc cho học sinh.

- Tổ chức các hoạt động giao lưu, trò chơi dân gian, hát dân ca, trải nghiệm làm nghề truyền thống, trải nghiệm STEM,... Giao Tổng phụ trách Đội phối hợp với các tổ chuyên môn phân công, hướng dẫn cụ thể cho từng khối lớp triển khai phù hợp với lứa tuổi và điều kiện thực tế.

- Kết hợp với chuyên viên tư vấn học đường, giáo viên chủ nhiệm và gia đình trong việc hỗ trợ, tư vấn tâm lý, tháo gỡ khó khăn, định hướng cảm xúc và hành vi tích cực cho học sinh.

6. Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày và bán trú

- Nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, đảm bảo tối thiểu 32 tiết/tuần theo quy định. Bố trí đủ tỷ lệ 1,65 giáo viên/lớp nhằm giảm áp lực, nâng cao chất lượng dạy học. Trong các buổi học, nhà trường tích hợp linh hoạt các nội dung giáo dục kỹ năng sống, giáo dục đạo đức, lý tưởng cách mạng, tư vấn tâm lý học đường, an toàn giao thông, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và chuyển đổi số. Tăng cường tổ chức các hoạt động trải nghiệm, giáo dục ngoài giờ lên lớp, câu lạc bộ sở thích phù hợp từng độ tuổi, giúp học sinh hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất toàn diện.

- Việc tổ chức bán trú được xây dựng dựa trên điều kiện thực tế, đảm bảo tính tự nguyện và đồng thuận của cha mẹ học sinh. Với học sinh tại địa bàn xã biên giới đất liền, nhà trường thực hiện chủ trương hỗ trợ miễn phí bữa ăn trưa theo chính sách hiện hành. Thực đơn được xây dựng theo hướng cân bằng dinh dưỡng, phù hợp với độ tuổi học sinh. Nhà trường bố trí nơi nghỉ trưa đảm bảo an toàn, vệ sinh và tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh học tập cả ngày.

- Việc thu chi phục vụ bán trú thực hiện đúng hướng dẫn, đảm bảo công khai, minh bạch; hàng ngày thông báo cụ thể định lượng và danh mục hàng hóa phục vụ bữa ăn. Thực hiện nghiêm túc quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, lưu mẫu thức ăn theo quy định, tuyệt đối không sử dụng thực phẩm không rõ nguồn gốc hoặc kém chất lượng.

7. Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục đối với trẻ khuyết tật

- Thực hiện chương trình giáo dục tiểu học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đồng thời điều chỉnh linh hoạt về nội dung, hình thức tổ chức dạy học và phương pháp giáo dục phù hợp với khả năng và nhu cầu cụ thể của từng học sinh khuyết tật, căn cứ vào sổ “Theo dõi sự tiến bộ của trẻ” và Kế hoạch giáo dục cá nhân (KHGDCN).

- Giáo viên dạy hòa nhập phối hợp với tổ chuyên môn, giáo viên bộ môn xây dựng, thực hiện và đánh giá KHGDCN cho học sinh khuyết tật; theo dõi sự tiến bộ, hỗ trợ kịp thời để giúp các em phát triển tối đa năng lực của bản thân.

- Giáo viên dạy môn chuyên biệt đề xuất miễn, giảm một số môn học hoặc nội dung, hoạt động giáo dục mà học sinh không thể đáp ứng được như: Tiếng Anh, Thể dục, Âm nhạc, Tin học,... theo đúng hướng dẫn chuyên môn.

- Giáo viên dạy hòa nhập cần có phẩm chất đạo đức tốt, yêu thương và tôn trọng quyền của người khuyết tật, chủ động học hỏi, nâng cao năng lực chuyên môn về giáo dục học sinh khuyết tật.

- Học sinh khuyết tật và giáo viên trực tiếp giảng dạy các lớp có học sinh khuyết tật được hưởng đầy đủ các chế độ, chính sách ưu tiên theo quy định hiện hành của Nhà nước.

8. Tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số

- Tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số được thực hiện thông qua các môn học và hoạt động giáo dục, kết hợp lồng ghép giáo dục kỹ năng sống, lý tưởng đạo đức cách mạng, an toàn giao thông, phòng chống bạo lực học đường, ứng phó với biến đổi khí hậu và tư vấn tâm lý học đường phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi.

- Đặc biệt, trong hai tuần đầu năm học, nhà trường chú trọng hướng dẫn học sinh lớp 1 làm quen với nề nếp học tập, sử dụng ký hiệu dạy học, rèn kỹ năng sử dụng bút, thước, bảng con, sách vở, tư thế ngồi viết đúng và kỹ năng giao tiếp cơ bản. Đồng thời, đẩy mạnh rèn luyện kỹ năng nghe, nói (phát âm chuẩn), đọc, viết chính tả cho học sinh khối lớp 1, 2, 3.

- Tiếp tục triển khai hiệu quả các giải pháp phát triển năng lực môn tiếng Việt, đặc biệt là dạy học tập làm văn, mở rộng vốn từ, xây dựng hệ thống từ vựng (cây từ vựng), phát triển kỹ năng đọc hiểu gắn với các tình huống thực tiễn và tăng cường kỹ năng giao tiếp ứng xử. Khuyến khích ứng dụng công nghệ số trong học tập tiếng Việt phù hợp với trình độ học sinh.

- Linh hoạt áp dụng các phương pháp dạy học nhằm nâng cao chất lượng

Đọc - Viết - Nghe - Nói cho học sinh dân tộc thiểu số, đồng thời tích hợp nội dung chuyển đổi số và công nghệ AI vào hoạt động dạy học một cách phù hợp theo định hướng của Chương trình GDPT 2018.

- Tổ chức thường xuyên các hoạt động giao lưu tiếng Việt như: Ngày hội đọc sách, thi kể chuyện, diễn đạt cảm xúc, thi hùng biện; đồng thời duy trì, phát huy hiệu quả các mô hình thư viện như thư viện góc lớp, thư viện xanh, thư viện lưu động và tiết học tại thư viện nhằm tăng cường môi trường sử dụng tiếng Việt cho học sinh.

- Nhà trường xây dựng và triển khai Kế hoạch tổ chức dạy tiếng Việt cho trẻ em dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một theo Thông tư số 23/2023/TT-BGDĐT, ngày 08/12/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, nhằm trang bị cho các em nền tảng ngôn ngữ vững chắc trước khi bước vào lớp học đầu cấp. Giáo viên trực tiếp giảng dạy chương trình này, cũng như học sinh dân tộc thiểu số tham gia lớp học tiếng Việt trước khi vào lớp Một, được hưởng các chính sách hỗ trợ theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của tỉnh. Tuy nhiên, các chính sách hỗ trợ này chỉ áp dụng trong giai đoạn học tiếng Việt trước khi vào lớp Một, không áp dụng trong thời gian các em học chính thức ở lớp Một.

9. Công tác bồi dưỡng học sinh năng khiếu và phụ đạo học sinh chưa đạt chuẩn kiến thức kỹ năng

- Trong quá trình tổ chức dạy học, giáo viên cần chủ động xây dựng kế hoạch cá nhân hóa việc giảng dạy, chú trọng phát triển năng lực cho học sinh có tố chất nổi bật và tăng cường hỗ trợ học sinh còn hạn chế về kiến thức, kỹ năng. Mỗi tiết học cần có chiến lược linh hoạt trong việc giao nhiệm vụ học tập phù hợp với từng đối tượng học sinh.

- Khuyến khích học sinh tích cực tham gia các lớp, câu lạc bộ phát triển năng khiếu cá nhân như: múa, hát, vẽ, thể thao, bơi, đọc sách,... tùy theo điều kiện thực tế tại trường trung tâm và các điểm trường lẻ. Đồng thời tạo điều kiện để các em có cơ hội thể hiện bản thân trong các hoạt động văn hóa - thể thao cấp trường, cấp xã và cấp tỉnh.

- Tăng cường tổ chức phụ đạo học sinh chưa đạt chuẩn ngay trong các tiết học chính khóa thông qua dạy học phân hóa, cá thể hóa; đồng thời tổ chức phụ đạo ngoài giờ (trong tiết học tăng cường hoặc hoạt động ngoài giờ chính khóa) đối với học sinh dân tộc thiểu số, học sinh có nguy cơ hỏng kiến thức. Việc phụ đạo cần đảm bảo thiết thực, hiệu quả, không gây áp lực đối với học sinh.

- Giáo viên chủ nhiệm phối hợp với cha mẹ học sinh trong việc kèm cặp, động viên con em học tập tại nhà, đặc biệt ở các bản vùng sâu vùng xa, nơi học sinh còn nhiều hạn chế về điều kiện học tập và môi trường giao tiếp.

- Ban Giám hiệu nhà trường xây dựng Kế hoạch cụ thể theo từng học kỳ; tổ chuyên môn có trách nhiệm phân tích chất lượng đầu năm, giữa kỳ và cuối kỳ để phân loại, phân công giáo viên phụ trách từng nhóm đối tượng học sinh.

- Giáo viên chủ nhiệm và giáo viên bộ môn chịu trách nhiệm theo dõi sát

tình hình học tập của học sinh trong lớp, báo cáo định kỳ kết quả bồi dưỡng và phụ đạo với Ban Giám hiệu để có sự chỉ đạo kịp thời.

- Hoạt động bồi dưỡng năng khiếu và phụ đạo học sinh cần gắn với định hướng đổi mới giáo dục theo Chương trình GDPT 2018: phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; đồng thời tích hợp nội dung giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, chuyển đổi số, giáo dục hướng nghiệp và trải nghiệm sáng tạo.

10. Tăng cường chuyển đổi số trong giáo dục đào tạo và giáo dục kỹ năng công dân số

10.1. Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong giáo dục đào tạo

- Nhà trường thực hiện nghiêm túc Kế hoạch tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong ngành giáo dục giai đoạn 2025-2030, bám sát các văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT và Sở GDĐT.

- Đầu tư, rà soát và nâng cấp cơ sở vật chất, thiết bị dạy học số: kết nối cáp quang Internet ổn định đến điểm trường/lớp học; thay thế, nâng cấp máy tính cũ (Windows XP) lên các hệ điều hành phù hợp như Windows 7, 10; cài đặt phần mềm Microsoft Office từ bản 2010 trở lên và phần mềm diệt virus có bản quyền cho các máy tính sử dụng lưu trữ dữ liệu quan trọng, máy kết nối mạng.

- Tập huấn kỹ năng chuyển đổi số cho giáo viên: tổ chức các lớp bồi dưỡng, hướng dẫn sử dụng thiết bị, phần mềm giảng dạy và quản lý như VNedu, OLM, LMS, EQMS, phần mềm phổ cập giáo dục, phần mềm cân bằng dinh dưỡng, phần mềm học trực tuyến,...

- 100% cán bộ, giáo viên sử dụng hiệu quả các nền tảng số như “Trường học kết nối”, “Hành trang số”, hệ thống học liệu điện tử dùng chung và hệ thống LMS để thiết kế bài giảng, trao đổi chuyên môn, lưu trữ và chia sẻ học liệu.

- Khuyến khích giáo viên tích hợp CNTT vào dạy học các môn học, thiết kế bài giảng E-learning, khai thác công nghệ thực tế ảo (AR/VR), AI để dạy học trải nghiệm, tạo video bài giảng, số hóa tiết dạy, sự kiện nhà trường, hoạt động trải nghiệm, hoạt động câu lạc bộ, hoạt động Đội - Sao Nhi đồng.

- Duy trì phương án dạy học trực tuyến linh hoạt đối với các tình huống thiên tai, dịch bệnh, học sinh không thể học trực tiếp; chuẩn bị sẵn sàng phương tiện, tài khoản học tập trực tuyến và hệ thống bài giảng dự phòng.

- Thực hiện số hóa hồ sơ, văn bản chuyên môn trên hệ thống phần mềm quản lý trường học (VNedu, eDoc,...), thực hiện ký số văn bản, quản lý dữ liệu đồng bộ trên môi trường số theo chỉ đạo từ Bộ, Sở và các phòng ban chuyên môn.

10.2. Triển khai thực hiện đưa nội dung giáo dục kỹ năng công dân số vào giảng dạy ở tiểu học

- Lồng ghép giáo dục kỹ năng công dân số vào dạy học môn Tin học và các hoạt động giáo dục phù hợp theo hướng dẫn của Bộ GDĐT: giúp học sinh tiểu học biết sử dụng Internet an toàn, tôn trọng bản quyền, có kỹ năng bảo vệ dữ liệu cá nhân, biết ứng xử có văn hóa trên môi trường mạng.

- Giáo viên chủ động lồng ghép giáo dục công dân số vào các môn học, hoạt động giáo dục, giáo dục kỹ năng sống, hoạt động ngoài giờ lên lớp, Câu Lạc bộ, trải nghiệm sáng tạo,... theo cách phù hợp với độ tuổi và nhận thức của học sinh tiểu học.

10.3. Triển khai học bạ điện tử (học bạ số)

- Thực hiện nghiêm túc chủ trương triển khai Học bạ số theo Chỉ thị số 04/CT-TTg, ngày 11/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT và đã hoàn thành, báo cáo theo quy định trong tháng 8/2025.

- 100% giáo viên được tập huấn, hướng dẫn sử dụng học bạ số, thực hiện nhập liệu đúng, đủ, cập nhật thông tin đánh giá phẩm chất, năng lực học sinh đảm bảo đúng quy trình.

- Ban Giám hiệu nhà trường, tổ chuyên môn có trách nhiệm kiểm tra, giám sát thường xuyên việc thực hiện học bạ số, đảm bảo tính chính xác, bảo mật và khai thác hiệu quả dữ liệu phục vụ cho đánh giá học sinh và chỉ đạo chuyên môn.

11. Triển khai áp dụng hoạt động Giáo dục STEM/STEAM trong dạy học

- Tiếp tục nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý và giáo viên về vị trí, vai trò và ý nghĩa của giáo dục STEM/STEAM trong việc phát triển năng lực toàn diện cho học sinh, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông hiện nay.

- Bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ quản lý, giáo viên về tổ chức, quản lý, xây dựng và thực hiện nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục STEM/STEAM theo định hướng của Chương trình GDPT 2018. Khuyến khích giáo viên tự học, tham khảo tài liệu chuyên sâu và học liệu từ các kênh chính thống như website: <http://stemtieuhoc.edu.vn>.

- Tăng cường tích hợp các hoạt động giáo dục STEM/STEAM vào các môn học (đặc biệt là Khoa học, Tin học, Toán) và hoạt động trải nghiệm nhằm phát huy tính liên môn, tạo điều kiện cho học sinh vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

- Đa dạng hóa hình thức tổ chức giáo dục STEM, bao gồm: bài học STEM, hoạt động trải nghiệm STEM, dự án nghiên cứu khoa học kỹ thuật phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị hiện có của nhà trường. Ưu tiên tổ chức các hoạt động đơn giản, dễ thực hiện, tận dụng nguyên vật liệu sẵn có tại địa phương.

- Khuyến khích giáo viên xây dựng các bài học STEM theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học, chú trọng rèn luyện tư duy sáng tạo, kỹ năng hợp tác và giải quyết vấn đề. Trong mỗi bài học, cần có phần mở rộng để học sinh được thực hành, sáng tạo và kết nối với thực tiễn cuộc sống.

- Tăng cường phối hợp giữa nhà trường - phụ huynh - cộng đồng để huy động nguồn lực tổ chức các hoạt động giáo dục STEM phù hợp với bối cảnh vùng miền, tạo cơ hội cho học sinh được tham gia, trải nghiệm thực tế.

- Phân công trách nhiệm thực hiện rõ ràng:

+ Ban Giám hiệu: chỉ đạo, xây dựng kế hoạch, phân công nhiệm vụ, theo

đổi, kiểm tra và đánh giá việc thực hiện giáo dục STEM trong toàn trường;

+ *Tổ chuyên môn*: triển khai chuyên đề, sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn định kỳ để chia sẻ kinh nghiệm xây dựng, thực hiện các bài học/hoạt động STEM;

+ *Giáo viên*: chủ động nghiên cứu, thiết kế bài học, tổ chức các hoạt động giáo dục STEM phù hợp với đặc điểm học sinh, môn học và điều kiện nhà trường.

- Mục tiêu cuối cùng là triển khai hiệu quả hoạt động giáo dục STEM/STEAM, góp phần đổi mới phương pháp dạy học, phát triển năng lực học sinh, thực hiện thành công Chương trình GDPT 2018 cấp tiểu học.

VI. Tổ chức thực hiện

1. Đối với Hiệu trưởng

- Lãnh đạo, điều hành toàn bộ hoạt động của nhà trường, chịu trách nhiệm trước UBND xã (thông qua Phòng Văn hoá - Xã hội) và Sở Giáo dục và Đào tạo về chất lượng, hiệu quả giáo dục trong nhà trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch giáo dục của nhà trường; kế hoạch kiểm tra nội bộ; kế hoạch dạy học các môn tự chọn và các hoạt động giáo dục phù hợp thực tiễn nhà trường và định hướng phát triển giáo dục địa phương.

- Chủ động tham mưu với UBND xã và phối hợp với Phòng Văn hoá - Xã hội trong công tác quản lý, đầu tư cơ sở vật chất, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo để nắm bắt chỉ đạo chuyên môn, đảm bảo thực hiện hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông theo đúng hướng dẫn.

- Phát huy vai trò dân chủ trong quản lý, điều hành; phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể trong trường nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục toàn diện.

- Tổ chức các hội thi, hội giảng, hoạt động trải nghiệm, sinh hoạt chuyên môn,... đảm bảo thiết thực, hiệu quả, phù hợp điều kiện của trường.

- Ban hành các quyết định liên quan đến tổ chức bộ máy như: thành lập các Tổ chuyên môn, phân công nhiệm vụ, bổ nhiệm tổ trưởng/tổ phó chuyên môn; thành lập các Hội đồng: Hội đồng Thi đua, khen thưởng, Hội đồng kiểm tra định kỳ, Hội đồng nghiệm thu - bàn giao chất lượng giáo dục cuối năm học.

- Phân công giáo viên chủ nhiệm và giáo viên giảng dạy các môn học, hoạt động giáo dục đảm bảo đúng chuyên môn, phát huy năng lực đội ngũ.

2. Đối với Phó Hiệu trưởng

- Chịu trách nhiệm tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng trong việc quản lý và tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục của nhà trường theo Chương trình GDPT 2018.

- Chỉ đạo và điều hành hoạt động của các tổ chuyên môn: hướng dẫn xây dựng và phê duyệt kế hoạch sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn, kế hoạch dạy học, giáo dục phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường và yêu cầu đổi mới giáo dục.

- Phụ trách công tác Thư viện, thiết bị dạy học: chỉ đạo sử dụng hiệu quả thiết bị, học liệu dạy học, ứng dụng CNTT, phần mềm trong quản lý và giảng dạy.
- Chủ trì tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, nâng cao năng lực thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới.
- Xây dựng và chỉ đạo triển khai các kế hoạch giáo dục, bao gồm: hoạt động trải nghiệm, ngoại khóa; kế hoạch bồi dưỡng học sinh năng khiếu; kế hoạch phụ đạo học sinh chưa đạt chuẩn kiến thức - kỹ năng; kế hoạch tổ chức các sân chơi trí tuệ, các cuộc thi cấp trường,...
- Tổ chức kiểm tra, giám sát và đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn của giáo viên theo đúng quy định của Điều lệ trường tiểu học.
- Phối hợp với tổ chuyên môn và giáo viên chủ nhiệm trong việc theo dõi chất lượng học sinh, đặc biệt là học sinh khuyết tật, học sinh có hoàn cảnh đặc biệt, học sinh chưa đạt chuẩn kiến thức.
- Tham mưu với Hiệu trưởng trong công tác quy hoạch, sử dụng CSVC, thiết bị dạy học và các điều kiện phục vụ dạy học, giáo dục toàn diện học sinh.
- Tổng hợp, báo cáo và lưu trữ hồ sơ chuyên môn theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Phòng Văn hóa - Xã hội xã.

3. Đối với tổ trưởng chuyên môn

3.1. Tổ chuyên môn

Tổ trưởng chuyên môn chịu trách nhiệm trước Ban Giám hiệu về toàn bộ hoạt động chuyên môn của tổ, cụ thể:

- Xây dựng Kế hoạch hoạt động của tổ; hướng dẫn các giáo viên xây dựng và thực hiện Kế hoạch giáo dục cá nhân đảm bảo phù hợp với Kế hoạch giáo dục của nhà trường và phân phối chương trình.
- Tổ chức sinh hoạt tổ chuyên môn định kỳ 02 lần/tháng theo đúng quy định, chú trọng đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, ứng dụng CNTT, đảm bảo yêu cầu thực hiện Chương trình GDPT 2018.
- Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong tổ; kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của các tổ viên.
- Triển khai, phổ biến và giám sát việc thực hiện đầy đủ các văn bản chỉ đạo của nhà trường, của ngành giáo dục đến từng giáo viên.
- Đề xuất nội dung bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với thực tiễn, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ.
- Phối hợp thực hiện Kế hoạch kiểm tra nội bộ chuyên môn theo phân công của Ban Giám hiệu.
- Tham gia đầy đủ các cuộc họp tổ trưởng, giao ban chuyên môn theo lịch nhà trường; báo cáo kết quả hoạt động của tổ định kỳ hoặc đột xuất khi được

yêu cầu.

- Tổ chức thực hiện và kiểm tra kết quả các hoạt động: trải nghiệm, ngoại khóa, phụ đạo học sinh chưa đạt chuẩn, bồi dưỡng học sinh năng khiếu, giáo dục kỹ năng sống,... theo Kế hoạch của nhà trường.

3.2. Tổ Văn phòng

Tổ trưởng Tổ Văn phòng chịu trách nhiệm điều phối hoạt động chung của tổ, gồm các vị trí công việc: Văn thư, thiết bị, thư viện, Y tế học đường, tài vụ,... (không tách riêng nhân viên thiết bị và thư viện đối với cấp tiểu học), cụ thể như sau:

- Xây dựng Kế hoạch hoạt động của Tổ căn cứ trên chức năng, nhiệm vụ của từng vị trí công việc.

- Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong Tổ, theo dõi, kiểm tra và đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ theo đúng quy định.

- Phổ biến và triển khai đầy đủ các kế hoạch, nhiệm vụ được giao từ Ban Giám hiệu và cấp trên tới các thành viên trong Tổ.

- Phối hợp chặt chẽ với các Tổ chuyên môn nhằm đảm bảo các điều kiện về CSVC, thiết bị, hồ sơ, dữ liệu phục vụ tốt các hoạt động dạy và học.

- Tổ chức giao ban tổ định kỳ; tổng hợp và báo cáo tiến độ công việc theo yêu cầu của Ban Giám hiệu.

- Chủ động đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công việc, đặc biệt trong việc tăng cường ứng dụng CNTT trong quản lý hồ sơ, thiết bị, thư viện, tài chính,...

4. Đối với Tổng phụ trách đội TNTPHCM

- Thành lập và duy trì hoạt động của Ban Chỉ huy Liên đội, các sao nhi đồng: lựa chọn, kiện toàn Ban Chỉ huy Liên đội đầu năm học; hướng dẫn tổ chức hoạt động của các sao nhi đồng tại các lớp, đảm bảo phù hợp với tâm sinh lý học sinh tiểu học và điều kiện thực tế của nhà trường.

- Xây dựng và triển khai Kế hoạch công tác Đội: xây dựng kế hoạch hoạt động đội theo năm học, bám sát hướng dẫn của Hội đồng Đội cấp trên và nhiệm vụ trọng tâm của nhà trường; tổ chức các hoạt động giáo dục truyền thống, đạo đức, kỹ năng sống cho học sinh.

- Phối hợp tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, ngoại khóa, phong trào học sinh: Chủ động phối hợp với Ban Giám hiệu, tổ chuyên môn, giáo viên chủ nhiệm và các tổ chức đoàn thể trong và ngoài nhà trường để tổ chức các phong trào thi đua, sinh hoạt tập thể, các cuộc thi, ngày hội,... góp phần hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

- Xây dựng bộ tiêu chí thi đua và đánh giá công tác Đội: cụ thể hóa tiêu chí thi đua giữa các Chi đội, lớp Nhi đồng; hướng dẫn đánh giá kết quả rèn luyện Đội viên, Sao Nhi đồng theo từng kỳ, học kỳ và năm học.

- Tổ chức hoạt động sinh hoạt dưới cờ đầu tuần: lập kế hoạch, phối hợp giáo viên chủ nhiệm, các lực lượng liên quan tổ chức nội dung sinh hoạt dưới cờ có chủ đề, đảm bảo ý nghĩa giáo dục, gắn với các sự kiện chính trị, lịch sử, truyền thống địa phương và đất nước.

- Thực hiện chế độ báo cáo và tham mưu: thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình hoạt động Đội với Ban Giám hiệu; chủ động tham mưu, đề xuất nội dung hoạt động phù hợp với tình hình thực tế của học sinh, nhà trường và địa phương.

- Chịu trách nhiệm trước Ban Giám hiệu về công tác Đội trong nhà trường.

5. Đối với giáo viên chủ nhiệm

- Xây dựng Kế hoạch chủ nhiệm lớp phù hợp với đặc điểm học sinh, điều kiện thực tế của lớp, nhà trường và địa phương; đảm bảo giáo dục toàn diện về phẩm chất, năng lực cho học sinh.

- Lên kế hoạch bài dạy phát triển phẩm chất, năng lực học sinh theo định hướng Chương trình GDPT 2018.

- Chịu trách nhiệm giảng dạy và giáo dục học sinh theo đúng phân công chuyên môn, chương trình, thời khóa biểu; thực hiện nghiêm túc quy chế chuyên môn và quy định của ngành.

- Quản lý tốt lớp học, duy trì sĩ số, nề nếp, nền nếp học tập, vệ sinh, đạo đức học sinh; chịu trách nhiệm về kết quả học tập, rèn luyện của học sinh lớp mình.

- Phối hợp chặt chẽ với phụ huynh, các đoàn thể trong và ngoài nhà trường (chi hội phụ huynh, Hội khuyến học, Đoàn Thanh niên, TPT Đội,...) tổ chức các hoạt động giáo dục, trải nghiệm, kỹ năng sống, hoạt động ngoại khóa cho học sinh.

- Tham gia tích cực các hoạt động bồi dưỡng thường xuyên, sinh hoạt chuyên môn tổ khối, cụm chuyên môn để nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng sư phạm, đáp ứng yêu cầu đổi mới.

- Thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá học sinh theo hướng phát triển năng lực và phẩm chất; ghi chép đầy đủ hồ sơ lớp học.

- Tham gia công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn học tập và hòa nhập tốt.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Ban Giám hiệu, đảm bảo đúng quy định và yêu cầu nhiệm vụ năm học.

6. Đối với giáo viên phụ trách môn học

- Xây dựng kế hoạch dạy học theo tuần, kế hoạch bài dạy phù hợp với năng lực và phẩm chất học sinh theo Chương trình GDPT 2018.

- Thực hiện nhiệm vụ giảng dạy theo sự phân công của Hiệu trưởng.

- Tuân thủ nghiêm túc nội quy, quy chế chuyên môn, chương trình và thời khóa biểu.

- Chịu trách nhiệm về chất lượng giảng dạy bộ môn mình phụ trách.
- Phối hợp chặt chẽ với giáo viên chủ nhiệm và các đoàn thể trong nhà trường trong công tác giáo dục học sinh, tổ chức hoạt động trải nghiệm, ngoại khóa.
- Chủ động tham gia các lớp bồi dưỡng, tự học, tự bồi dưỡng thường xuyên nhằm nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ.
- Tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề do các cấp tổ chức.
- Tích cực tham gia công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ và các hoạt động khuyến học.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được Ban Giám hiệu phân công.

7. Đối với nhân viên

7.1. Nhân viên Thư viện - Thiết bị

- Tổ chức và quản lý hoạt động thư viện, thiết bị dạy học của nhà trường.
- Xây dựng và thực hiện kế hoạch công tác thư viện - thiết bị theo năm học.
- Tuyên truyền, hướng dẫn giáo viên, nhân viên và học sinh tích cực tham gia đọc sách, khai thác thư viện.
- Tổ chức các hoạt động: “Tuần lễ học tập suốt đời”, “Ngày sách và văn hóa đọc Việt Nam”, “Ngày hội đọc sách”,...
- Tổng hợp, thống kê, báo cáo các lĩnh vực liên quan đến thư viện, thiết bị theo yêu cầu.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ban Giám hiệu phân công.

7.2. Nhân viên Y tế

- Xây dựng Kế hoạch Y tế trường học theo quy định tại Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT, ngày 12/5/2016 của Bộ Y tế - Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Phối hợp với Trạm Y tế xã tổ chức khám sức khỏe định kỳ, theo dõi và quản lý sức khỏe học sinh.
- Thực hiện sơ cấp cứu, xử lý ban đầu các trường hợp bệnh thông thường.
- Tư vấn về sức khỏe, vệ sinh phòng dịch, an toàn thực phẩm cho học sinh và cán bộ giáo viên.
- Tham gia kiểm tra, giám sát vệ sinh học đường, xây dựng trường học xanh - sạch - đẹp.
- Quản lý hồ sơ sức khỏe, lập và lưu trữ phiếu khám sức khỏe học sinh.
- Phối hợp với công ty bảo hiểm triển khai chính sách BHYT, BHTT cho học sinh và giáo viên.
- Thực hiện các công việc khác theo sự phân công của Ban Giám hiệu.

7.3. Nhân viên Kế toán

- Xây dựng dự toán thu - chi theo tháng, quý, năm; đảm bảo đúng quy định tài chính.
- Thực hiện quyết toán kinh phí kịp thời, chính xác theo chế độ hiện hành.
- Quản lý tiền lương, chế độ chính sách cho cán bộ, giáo viên, nhân viên.
- Phối hợp với GVCN rà soát, đề xuất kinh phí hỗ trợ học sinh theo các chính sách hiện hành.
- Thẩm định giá trị hợp đồng, quản lý chi phí sinh hoạt cho học sinh bán trú.
- Quản lý tài sản, CSVC và công tác mua sắm trang thiết bị của nhà trường.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ban Giám hiệu phân công.

7.4. Nhân viên phục vụ, Văn thư

- Quản lý, bảo quản tốt các dụng cụ, trang thiết bị được giao.
- Đảm bảo nước uống, an toàn thực phẩm, vệ sinh cho cán bộ, giáo viên.
- Thường trực công văn đi - đến, lưu trữ văn bản theo quy định.
- Phối hợp với bảo vệ, GVCN trong việc giữ gìn môi trường sư phạm, đảm bảo nề nếp nội quy.
- Thực hiện các công việc khác do Ban Giám hiệu phân công.

7.5. Nhân viên Bảo vệ

- Đảm bảo ANTT, an toàn tài sản và con người trong phạm vi nhà trường.
- Phối hợp xử lý các tình huống phát sinh liên quan đến an ninh học đường.
- Thực hiện và giám sát công tác phòng cháy chữa cháy, quản lý thiết bị PCCC.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ban Giám hiệu phân công.

Trên đây là Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2025-2026 của Trường Tiểu học Thanh Yên. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có phát sinh, Hiệu trưởng sẽ điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT (để b/c);
- Phòng VHXXH xã (để b/c);
- Các tổ chuyên môn (t/h);
- Trang TTĐT trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Đào Thị Thu Hường

Phụ lục 1. Bảng tổng hợp học sinh các khối lớp

Khối	Số lớp	TS HS	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Khuyết tật	Học sinh thuộc diện chính sách					HS khuyết tật (TT 42/2013)	Học sinh bán trú
							(NĐ 81/2021)						
							Tổng	Mồ côi	Khuyết tật	Hộ nghèo	Thôn/bản khó khăn		
1	4	96	41	68	28	0	16	0	0	2	14		
2	4	104	54	67	38	0	11	0	0	5	6		
3	4	116	51	69	31	0	17	0	0	2	15		
4	4	138	71	104	56	3	30	0	3	6	21		
5	4	120	51	83	33	1	22	0	1	9	12		
Tổng	20	574	268	391	186	4	96	0	4	24	68		

Phụ lục 2. Bảng tổng hợp đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý

Đội ngũ	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo					Ghi chú
				Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Khác	
Cán bộ quản lý	2	1	0	0	2	0	0	0	
Giáo viên	35	29	14	1	34	0	0	0	
Nhân viên	6	3	4	0	2	0	2	2	
Tổng	43	33	18	1	38	0	2	2	

Phụ lục 3. Danh mục sách giáo khoa học sinh cấp tiểu học

Sách giáo khoa Chương trình GDPT 2018				
Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
Tiếng Việt 1 (tập 1,2)	Tiếng Việt 2 (tập 1,2)	Tiếng Việt 3 (tập 1,2)	Tiếng Việt 2 (tập 1,2)	Tiếng Việt 2 (tập 1,2)
Toán 1	Toán 2	Toán 3	Toán 4	Toán 5
Tiếng Anh 1	Tiếng Anh 2	Tiếng Anh 3	Tiếng Anh 4	Tiếng Anh 5
		Tin học 3	Tin học 4	Tin học 5
		Công nghệ 3	Công nghệ 4	Công nghệ 5
			Lịch sử và Địa lý 4	Lịch sử và Địa lý 5
Tự nhiên xã hội 1	Tự nhiên xã hội 2	Tự nhiên xã hội 3	Khoa học 4	Khoa học 5
Đạo đức 1	Đạo đức 2	Đạo đức 3	Đạo đức 4	Đạo đức 5
Âm nhạc 1	Âm nhạc 2	Âm nhạc 3	Âm nhạc 4	Âm nhạc 5
Mĩ thuật 1	Mĩ thuật 2	Mĩ thuật 3	Mĩ thuật 4	Mĩ thuật 5
Giáo dục thể chất 1	Giáo dục thể chất 2	Giáo dục thể chất 3	Giáo dục thể chất 4	Giáo dục thể chất 5
Hoạt động trải nghiệm 1	Hoạt động trải nghiệm 2	Hoạt động trải nghiệm 3	Hoạt động trải nghiệm 4	Hoạt động trải nghiệm 5
Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Điện Biên lớp 1	Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Điện Biên lớp 2	Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Điện Biên lớp 3	Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Điện Biên lớp 4	Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Điện Biên lớp 5

Phụ lục 4. Bảng tổng hợp môn học và hoạt động giáo dục

Khối lớp		Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5		Tổng cộng	
TS học sinh		96		104		116		138		120		574	
HS khuyết tật		0		0		0		3		1		4	
HS được đánh giá		96		104		116		138		120		574	
Môn học	MĐĐ	TS	%	TS	%	TS	%	TS	%	TS	%	TS	%
1. Tiếng Việt	HTT	72	75,0	74	71,2	87	75,0	104	75,4	87	72,5	424	73,9
	HT	24	25,0	30	28,8	29	25,0	34	24,6	33	27,5	150	26,1
	CHT	0		0		0		0		0		0	0
2. Toán	HTT	72	75,0	77	74,0	88	75,9	104	75,4	89	74,2	430	74,9
	HT	24	25,0	27	26	28	24,1	34	24,6	31	25,8	144	25,1
	CHT	0		0		0		0		0		0	0
3. Ngoại ngữ 1	HTT	72	75,0	75	72,1	87	75,0	104	75,4	86	71,7	424	73,9
	HT	24	25,0	29	27,9	29	25,0	34	24,6	34	28,3	150	26,1
	CHT	0		0		0		0		0		0	0
4. Lịch sử và Địa lý	HTT							105	76,1	88	73,3	193	74,8
	HT							33	23,9	32	26,7	65	25,2
	CHT							0		0		0	0

Khối lớp		Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5		Tổng cộng	
TS học sinh		96		104		116		138		120		574	
HS khuyết tật		0		0		0		3		1		4	
HS được đánh giá		96		104		116		138		120		574	
5. Khoa học	HTT							105	76,1	90	75	195	75,6
	HT							33	23,9	30	25	63	24,4
	CHT							0		0		0	0
6. Tin học và Công nghệ													
6.1. Tin	HTT					87	75,0	104	75,4	91	75,8	282	75,4
	HT					29	25,0	34	24,6	29	24,2	92	24,6
	CHT					0		0		0		0	0
6.2. Công nghệ	HTT					87	75,0	107	77,5	91	75,8	285	82,1
	HT					32	27,6	31	22,5	29	24,2	92	24,6
	CHT					0		0		0		0	0
7. Đạo đức	HTT	72	75,0	84	80,8	93	80,2	111	80,4	96	80	456	79,4
	HT	24	25,0	20	19,2	23	19,8	27	19,6	24	20	118	20,6
	CHT	0		0		0		0		0		0	0
8. TN&XH	HTT	72	75	80	76,9	90	77,6					242	76,6
	HT	24	25	24	23,1	26	22,4					74	23,4

Khối lớp		Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5		Tổng cộng	
TS học sinh		96		104		116		138		120		574	
HS khuyết tật		0		0		0		3		1		4	
HS được đánh giá		96		104		116		138		120		574	
	CHT	0		0		0						0	0
9. GDTC	HTT	73	76	84	80,8	87	75,0	112	81,2	89	74,2	445	77,5
	HT	23	24	20	19,2	29	25,0	26	18,8	31	25,8	129	22,5
	CHT	0		0		0		0		0		0	0
10. Nghệ thuật													
10.1. Âm nhạc	HTT	73	76	85	81,7	87	75,0	112	81,2	89	74,2	446	77,7
	HT	23	24	19	18,3	29	25,0	26	18,8	31	25,8	128	22,3
	CHT	0		0		0		0		0		0	0
10.2. Mỹ Thuật	HTT	73	76	85	81,7	92	79,3	106	76,8	88	73,3	444	77,4
	HT	23	24	19	18,3	24	20,7	32	23,2	32	26,7	130	22,6
	CHT	0		0		0		0		0		0	0
11. HĐTN	HTT	73	76	83	79,8	92	79,3	106	76,8	93	77,5	447	77,9
	HT	23	24	21	20,2	24	20,7	32	23,2	27	22,5	127	22,1
	CHT	0		0		0		0		0		0	0

Phụ lục 5. Bảng tổng hợp phẩm chất chủ yếu

Khối lớp	Khối 1						Khối 2						Khối 3						Khối 4						Khối 5						Tổng cộng					
TS HS	96						104						116						138						120						574					
HS khuyết tật	0						0						0						3						1						4					
HS được đánh giá	96						104						116						138						120						574					
Phẩm chất	Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Yêu nước	96	100					104	100					116	100					138	100					120	100					574	100				
Nhân ái	83	86,5	13	13,5			100	96,2	4	3,8			99	85,3	17	14,7			120	87,0	18	13,0			105	87,5	15	12,5			507	88,3	67	11,7		
Chăm chỉ	72	75,0	24	25,0			96	92,3	8	7,7			88	75,9	28	24,1			105	76,1	33	23,9			91	75,8	29	24,2			452	78,7	122	21,3		
Trung thực	88	91,7	8	8,3			89	85,6	15	14,4			108	93,1	8	6,9			130	94,2	8	5,8			114	95,0	6	5,0			529	92,2	45	7,8		
Trách nhiệm	72	75,0	24	25,0			77	74,0	27	26,0			87	75,0	29	25,0			105	76,1	33	23,9			91	75,8	29	24,2			432	75,3	142	24,7		

Phụ lục 6. Bảng tổng hợp năng lực cốt lõi

Khối lớp	Khối 1						Khối 2						Khối 3						Khối 4						Khối 5						Tổng cộng					
TS HS	96						104						116						138						120						574					
HS Khuyết tật	0						0						0						3						1						4					
HS được đánh giá	96						104						116						138						120						574					
Các năng lực cốt lõi	Mức đạt được																																			
	Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Năng lực chung																																				
1. Tự chủ và tự học	72	75,0	24	25,0			80	76,9	24	23,1			87	75,0	29	25,0			106	76,8	32	23,2			92	76,7	28	23,3			437	76,1	137	23,9		
2. Giao tiếp và hợp tác	72	75,0	24	25,0			74	71,2	30	28,8			88	75,9	28	24,1			107	77,5	31	22,5			92	76,7	28	23,3			433	75,4	141	24,6		
3. Giải quyết vấn đề và sáng tạo	72	75,0	24	25,0			78	75,0	26	25,0			87	75,0	29	25,0			108	78,3	30	21,7			92	76,7	28	23,3			437	76,1	137	23,9		
Năng lực đặc thù																																				
1. Ngôn ngữ	72	75,0	24	25,0			81	77,9	23	22,1			87	75,0	29	25,0			107	77,5	31	22,5			89	74,2	31	25,8			436	76,0	138	24,0		
2. Tính toán	72	75,0	24	25,0			78	75,0	26	25,0			88	75,9	28	24,1			107	77,5	31	22,5			86	71,7	34	28,3			431	75,1	143	24,9		
3. Khoa học	72	75,0	24	25,0			83	79,8	21	20,2			88	75,9	28	24,1			113	81,9	25	18,1			92	76,7	28	23,3			448	78,0	126	22,0		
4. Thẩm mỹ	73	76,0	23	24,0			79	76,0	25	24,0			90	77,6	26	22,4			113	81,9	25	18,1			91	75,8	29	24,2			446	77,7	128	22,3		
5. Thể chất	71	74,0	25	26,0			82	78,8	22	21,2			88	75,9	28	24,1			113	81,9	25	18,1			93	77,5	27	22,5			447	77,9	127	22,1		
6. Công nghệ													84	72,4	32	27,6			113	81,9	25	18,1			93	77,5	27	22,5			290	77,5	84	22,5		
7. Tin học													84	72,4	32	27,6			113	81,9	25	18,1			92	76,7	28	23,3			289	77,3	85	22,7		

Phụ lục 7. Bảng tổng hợp kết quả giáo dục cuối năm học

Khối lớp	Tổng số HS được đánh giá	HTXS		HTT		HT		CHT		Ghi chú
		TS	%	TS	%	TS	%	TS	%	
1	96	27	28,1	45	46,9	24	25,0	0	0,0	
2	104	30	28,8	46	44,2	28	26,9	0	0,0	
3	116	30	25,9	61	52,6	25	21,6	0	0,0	
4	138	36	26,1	73	52,9	29	21,0	0	0,0	
5	120	34	28,3	63	52,5	23	19,2	0	0,0	
Tổng	574	157	27,4	288	50,2	129	22,5	0	0,0	

Phụ lục 8. Bảng tổng hợp kết quả khen thưởng cuối năm học

Khối lớp	Tổng số HS được đánh giá	Tổng số HS được khen thưởng		Học sinh xuất sắc		Học sinh Tiêu biểu HTT	
		TS	%	TS	%	TS	%
1	96	48	50,0	28	29,2	20	20,8
2	104	56	53,8	30	28,8	26	25,0
3	116	59	50,9	31	26,7	28	24,1
4	138	64	46,4	32	23,2	32	23,2
5	120	62	51,7	34	28,3	28	23,3
Tổng	574	289	50,3	155	27,0	134	23,3

Phụ lục 9. Bảng phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục

TT	Hoạt động giáo dục		Số tiết lớp 1			Số tiết lớp 2			Số tiết lớp 3			Số tiết lớp 4			Số tiết lớp 5		
			Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2
I. Môn học/hoạt động giáo dục bắt buộc																	
1	Tiếng Việt		420	216	204	350	180	170	245	126	119	245	126	119	245	126	119
2	Toán		105	54	51	175	90	85	175	90	85	175	90	85	175	90	85
3	Đạo đức		35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
4	TN&XH		70	36	34	70	36	34	70	36	34	0	0	0	0	0	0
5	Khoa học		0	0	0	0	0	0	0	0	0	70	36	34	70	36	34
6	LS&ĐL		0	0	0	0	0	0	0	0	0	70	36	34	70	36	34
7	Nghệ thuật	- Âm nhạc	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
		- Mỹ thuật	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
8	Tin học và CN	Tin học	0	0	0	0	0	0	35	18	17	35	18	17	35	18	17
		Công nghệ	0	0	0	0	0	0	35	18	17	35	18	17	35	18	17
9	Giáo dục thể chất		70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34
10	Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh)		0	0	0	0	0	0	140	72	68	140	72	68	140	72	68
11	Hoạt động trải nghiệm	-Chào cờ	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
		-HĐCĐ	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
		-SHL	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
12	Tăng cường tiếng Việt		80	80	0	35	18	17	35	18	17	0	0	0	0	0	0

TT	Hoạt động giáo dục	Số tiết lớp 1			Số tiết lớp 2			Số tiết lớp 3			Số tiết lớp 4			Số tiết lớp 5		
		Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2
13	Đọc sách tại thư viện	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
14	Giáo dục địa phương	22	12	10	22	12	10	22	12	10	22	12	10	22	12	10
Tổng số tiết bắt buộc		1012	560	452	967	498	469	1072	552	520	1107	570	537	1107	570	537
II. Môn học tự chọn																
1	Tiếng dân tộc thiểu số															
2	Ngoại ngữ 1 (lớp 1, 2)	35	18	17	35	18	17									
III. Hoạt động củng cố, tăng cường																
1	Câu lạc bộ ...	92	54	44	92	48	44	57	30	27	13	6	7	13	6	7
2	Bồi dưỡng, phụ đạo ...															
3	HĐTN ngoài giờ															
TỔNG CỘNG																
Tổng số tiết/năm học (không kể các môn học tự chọn)		958	560	452	967	498	469	1072	552	520	1107	570	537	1107	570	537
Số tiết trung bình/tuần (Không kể các môn học tự chọn)		27 (28)			27 (28)			30 (31)			31 (32)			31 (32)		
Số tiết tự chọn/tuần		1			1			0			0			0		
Số tiết củng cố, tăng cường/tuần		4 (3)			4 (3)			2 (1)			1 (0)			1 (0)		
Số tiết/tuần		32			32			32			32			32		

TT	Hoạt động giáo dục	Số tiết lớp 1			Số tiết lớp 2			Số tiết lớp 3			Số tiết lớp 4			Số tiết lớp 5		
		Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2
	<i>Số buổi dạy/ tuần</i>	9			9			9			9			9		
	<i>Tổng số tiết/ năm học</i>	1.120			1.120			1.120			1.120			1.120		

Phụ lục 10.1. Bảng tổng hợp các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học

Tháng	Chủ điểm	Nội dung trọng tâm	Hình thức tổ chức	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Lực lượng cùng tham gia
Tháng 9	Truyền thống nhà trường	- Khai giảng năm học mới; - Giới thiệu về truyền thống nhà trường.	Tập trung toàn trường; Theo lớp	Sáng thứ Năm, ngày 05/09	BGH; TPTĐ	GVCN, GVBM, Ban ĐDCMHS.
	Xây dựng văn hoá học đường	- Phát động phong trào thi đua “Trường học hạnh phúc” - Triển khai nội quy, quy tắc ứng xử, an toàn trường học.	Theo lớp, theo khối	Trong tuần 2, 3 của tháng 9	GVCN, TPTĐ	BGH, GVBM
Tháng 10	Gắn kết yêu thương	Tổ chức Tết Trung Thu	Tập trung toàn trường; Hoạt động theo khối lớp	Chiều thứ Ba ngày 06/10 - Rằm Trung thu (15/8 Âm lịch)	BGH; TPTĐ GV toàn trường	Ban ĐDCMHS; Đoàn TNCSHCM xã; Nhân viên nhà trường
		Sinh hoạt truyền thống về ngày Bác Hồ gửi lá thư cuối cùng cho ngành GD (15/10/1968)	Tập trung toàn trường	Sáng thứ Tư ngày 13/10 (30 phút)	Tổng phụ trách đội	BGH, GVCN, GVBM
		Giao lưu văn nghệ, vẽ tranh, làm thiệp chúc mừng ngày 20/10.	Tập trung toàn trường; theo khối lớp	Sáng thứ Hai ngày 20/10	TPTĐ, GVCN	BGH, GVBM, NV
Tháng 11	Tô su trọng đạo	- Kỷ niệm ngày 20/11;	Tập trung toàn trường	Thứ Năm ngày 20/11	BGH, TPTĐ, GV âm nhạc.	Ban ĐDCMHS

Tháng	Chủ điểm	Nội dung trọng tâm	Hình thức tổ chức	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Lực lượng cùng tham gia
		- Hội diễn văn nghệ; - Tri ân thầy cô.				
Tháng 12	HĐTN Uống nước nhớ nguồn	- Tổ chức cho học sinh tham đi thăm đơn vị bộ đội, trải nghiệm “Một ngày làm chiến sỹ”	Tập trung toàn trường	Cả ngày thứ Sáu 19/12	BGH, GV, TPTĐ	Ban ĐDCMHS
		- Nghe kể chuyện về truyền thống lịch sử dân tộc. - Thi tìm hiểu truyền thống anh hùng của Quân đội NDVN.	Tập trung toàn trường	Sáng thứ Hai ngày 22/12 (60 phút)	Tổng phụ trách đội	- Đại diện Hội cựu chiến binh xã; BGH, GV, NV.
Tháng 1	Mùa xuân yêu thương	- Hoạt động STEM	Tập trung toàn trường	Sáng thứ Hai ngày 13/01	Giáo viên toàn trường	BGH, Ban ĐDCMHS
		Tổ chức các HĐTN tại lớp: Vui đọc cùng em,...	Tại lớp học	Chiều thứ Ba ngày 14/01	Giáo viên chủ nhiệm.	BGH, GVBM
		- Tổ chức Chợ xuân - Trao quà tết cho HS có HCKK	Tập trung toàn trường	Thứ Năm ngày 16/01 (17/12 Âm lịch)	BGH; TPTĐ GV,NV toàn trường.	- Ban ĐDCMHS - Các nhà hảo tâm...
		- Thăm hỏi các gia đình chính sách; - Chăm sóc nhà bia tưởng niệm các anh hùng LS tại xã.	Tập trung một số học sinh đại diện các lớp	Thứ Sáu ngày 17/01	BGH; TPTĐ GV, NV toàn trường.	Đoàn TNCSHCM xã Ban ĐDCMHS
Tháng 2	An toàn - Kỷ cương	- Sinh hoạt về phòng tránh tai nạn thương tích;	Theo lớp, theo khối	Sau kỳ nghỉ Tết Nguyên đán	TPTĐ, GVCN	Công an xã , Trạm Y tế xã.

Tháng	Chủ điểm	Nội dung trọng tâm	Hình thức tổ chức	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Lực lượng cùng tham gia
		- Trò chơi dân gian chào xuân; - Phát động “Tháng an toàn giao thông”.				
Tháng 3	Em yêu mái trường	- Làm thiệp chúc mừng 8/3 - Thiết kế poster/clip tuyên truyền về vệ sinh trường lớp - Giờ ra chơi trải nghiệm	Tập trung toàn trường; theo lớp, theo nhóm	Giờ chào cờ đầu tuần ngày 02/3 (60 phút)	TPTĐ GV toàn trường.	Ban ĐDCMHS
Tháng 4	Tự hào lịch sử dân tộc	- Thi tìm hiểu lịch sử, truyền thống địa phương; - Thi kể chuyện lịch sử; - Hoạt động “Em làm hướng dẫn viên nhí”.	Theo khối, lớp	Sáng thứ Hai ngày 28/4 (60 phút)	PHT, TPTĐ, GVCN	GVBM
Tháng 5	Bác Hồ với thiếu nhi	Tham quan di tích lịch sử Điện Biên Phủ: Thắp hương tại Đền thờ liệt sỹ A1; Viếng Nghĩa trang Liệt sỹ A1...	Tập trung	Thứ Năm ngày 07/5	CBGVNV, HS khối lớp 3, 4, 5	- Ban ĐDCMHS - Đại diện lãnh đạo các ban ngành, đoàn thể xã.
		Nghe kể chuyện về Bác Hồ	Tập trung toàn trường	Sáng thứ Hai ngày 18/5 (60 phút)	TPTĐ	CBGVNV toàn trường
		- Ngày hội STEM -	Tập trung toàn	Chiều thứ Sáu	BGH; TPTĐ	Ban ĐDCMHS, đại

Tháng	Chủ điểm	Nội dung trọng tâm	Hình thức tổ chức	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Lực lượng cùng tham gia
		Trưng bày sản phẩm STEM; - Tổng kết năm học.	trường	ngày 22/5	GV toàn trường.	diện chính quyền xã.

Phụ lục 10.2. Bảng tổng hợp các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học

STT	Nội dung	Hoạt động	Đối tượng/quy mô	Thời gian	Địa điểm	Ghi chú
1	Sinh hoạt câu lạc bộ sở thích, năng khiếu.	- Sinh hoạt câu lạc bộ (Mỹ thuật, Âm nhạc, Bóng đá, Dân vũ, Pickleball, Bóng bàn, Cầu lông, STEM,...) - Câu lạc bộ theo khối/lớp hoặc tự nguyện đăng ký	Học sinh từ khối 1 đến khối 5	1 lần/ tháng (Từ 15 giờ 30 phút đến 17 giờ).	Sân trường, lớp, phòng chức năng	Có kế hoạch cụ thể, phân công giáo viên phụ trách.
2	Vui chơi - thể chất - thư giãn	- Trò chơi dân gian - Hát múa, thể dục sân trường	Học sinh từ khối 1 đến khối 5	Các ngày trong tuần (Từ 15h30-16h30)	Sân trường	GVCN phối hợp GV bộ môn hỗ trợ theo dõi
3	Hoạt động trải nghiệm - Kỹ năng sống	- GDKNS: kỹ năng tự phục vụ, giao tiếp - Vẽ tranh, đọc sách, nghe kể chuyện	Học sinh bán trú	Trước hoặc sau bữa ăn trưa (11h00-13h00)	Lớp, thư viện, nhà ăn	Tổ chức nhẹ nhàng, linh hoạt, phù hợp điều kiện thực tế
4	Giáo dục nền nếp, hành vi văn hóa	- Nhắc nhở nền nếp, vệ sinh, giao tiếp - Trình chiếu tranh ảnh, video tuyên truyền	Học sinh từ khối 1 đến khối 5	2 lần/tháng hoặc lồng ghép trong sinh hoạt lớp	Lớp học, sân trường	GVCN chủ trì, kết hợp với TPTĐ và GVBM hỗ trợ

Phụ lục 11. Số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần đối với các khối lớp từ 1 đến 5

TT	Môn học và Hoạt động giáo dục	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5		Ghi chú
		Theo TT32	Tăng thêm	Theo TT 32	Tăng thêm	Theo TT 32	Tăng thêm	Theo TT 32	Tăng thêm	Theo TT 32	Tăng thêm	
1	Tiếng Việt	12	1	10	1	7		7		7		
2	Toán	3	1	5	1	5	1	5		5		
3	Đạo đức	1		1		1		1		1		
4	Tự nhiên và Xã hội	2		2		2						
6	Khoa học							2		2		
7	Lịch sử và Địa lí							2		2		
8	Nghệ thuật											
	- Âm nhạc	1		1		1		1		1		
	- Mỹ thuật	1		1		1		1		1		
9	GDTC	2		2	1	2		2		2		
10	Hoạt động trải nghiệm	3		3		3		3		3		
11	Tiếng Anh		1		1	4		4		4		
12	Tin học và công nghệ											
	- Tin học					1		1		1		
	- Công nghệ					1		1		1		
13	Đọc sách tại thư viện		1		1		1		1		1	
14	Giáo dục địa phương		1		1		1		1		1	
15	Tăng cường Tiếng việt		2		1		1					
Tổng		25	7	25	7	28	4	30	2	30	2	
Tổng chung/tuần		32 tiết		32 tiết		32 tiết		32 tiết		32 tiết		

